

Số: 01/2025/CBTT- CD

TP.Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2025

**CÔNG BỐ THÔNG TIN
TÀI LIỆU HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2025**

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
- Quý cổ đông CDBECO**

1. Tên tổ chức : CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT CHƯƠNG DƯƠNG

- Tên giao dịch: CDBECO
- Mã chứng khoán: SCD
- Địa chỉ trụ sở chính: 606 Võ Văn Kiệt, quận 1, TP.Hồ Chí Minh.
- Điện thoại: 028 3 8367518 Fax: 028 38367176
- Sàn giao dịch: UPCOM
- Loại thông tin công bố: Định kỳ

2. Nội dung công bố thông tin:

Công ty cổ phần Nước giải khát Chương Dương (CDBECO) công bố thông tin tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Quý cổ đông CDBECO theo đường dẫn sau:

<https://cdbeco.com.vn/blogs/thong-bao/tai-lieu-hop-dai-hoi-co-dong-thuong-nien-2025>

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty <https://cdbeco.com.vn/> vào ngày 31/3/2025

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm

Tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025

Nơi nhận

- Như trên

Lưu: Thư ký HĐQT

**Người đại diện theo pháp luật
Giám đốc**



Phạm Tấn Lợi



CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT CHUÔNG DƯƠNG

606 Võ Văn Kiệt, Phường Cầu Kho, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 38367 518

Fax: (028) 38367 176

Website: www.cdbeco.com.vn

Email: info@cdbeco.com.vn

Thư mời

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2025

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Nước giải khát Chuông Dương

Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Nước giải khát Chuông Dương, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Nước giải khát Chuông Dương trân trọng kính mời Quý cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên (Đại hội) năm 2025 như sau:

1. Thời gian, địa điểm tổ chức Đại hội:

- Thời gian: **Thứ hai 9h00 ngày 21 tháng 4 năm 2025**

- Địa điểm : Khách sạn Đồng Khởi Grand Hotel, số 8 Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

2. Nội dung chương trình Đại hội dự kiến:

- Chương trình Đại hội đính kèm.

3. Tài liệu Đại hội: Sẽ được công bố và đăng tải theo quy định trên website: www.cdbeco.com.vn và gửi đến Quý Cổ đông khi tham dự Đại hội.

4. Thành phần tham dự: Tất cả các cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty cổ phần Nước giải khát Chuông Dương theo danh sách cổ đông chốt vào ngày **17/03/2025**.

5. Đăng ký dự họp: Để chuẩn bị đón tiếp Đại biểu được chu đáo, Quý Cổ đông vui lòng gửi *Giấy đăng ký hoặc ủy quyền* về Văn phòng Công ty cổ phần Nước giải khát Chuông Dương theo địa chỉ bên dưới trước **16h00 ngày 20/04/2025**.

6. Ủy quyền tham dự Đại hội: Nếu Quý Cổ đông ủy quyền cho người khác tham dự Đại hội, vui lòng điền và gửi *Giấy đăng ký hoặc ủy quyền* về Văn phòng Công ty cổ phần Nước giải khát Chuông Dương theo địa chỉ bên dưới trước **16h00 ngày 20/04/2025** hoặc xuất trình khi Người nhận ủy quyền đến dự Đại hội. (*Lưu ý: Giấy ủy quyền phải là bản chính, có chữ ký; có dấu (nếu là tổ chức)*).

7. Địa chỉ gửi văn bản và liên hệ hỗ trợ

Công ty cổ phần Nước giải khát Chuông Dương

Địa chỉ: 606 Võ Văn Kiệt, Phường Cầu Kho, Quận 1, TP.HCM

Điện thoại: (028) 38 367 518 - (028) 38 368 747

Fax: (028) 38 367 176

Liên hệ : Bùi Thị Hạnh - 0705 241 362 – Email: hanhbt@chuongduong.sabeco.com.vn

Cổ đông/ Đại diện được ủy quyền tham dự Đại hội vui lòng mang theo Giấy chứng minh nhân dân hoặc Thẻ căn cước Công dân hoặc Hộ chiếu và Giấy ủy quyền tham dự Đại hội trường hợp được ủy quyền. *Uhan*

Trân trọng,



Phạm Tấn Lợi



CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT CHƯƠNG DƯƠNG

606 Võ Văn Kiệt, Phường Cầu Kho, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 38367 518

Fax: (028) 38367 176

Website: www.cdbeco.com.vn

Email: info@cdbeco.com.vn

**CHƯƠNG TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2025
Công ty cổ phần Nước giải khát Chương Dương**

Thời gian : 9h00, ngày 21 tháng 04 năm 2025
Địa điểm : Khách sạn Đồng Khởi Grand Hotel, số 8 Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1,
Tp. Hồ Chí Minh

| Thời gian | Chương trình |
|---------------------|---|
| 9:00 - 9:30 (30 p) | - Đón tiếp đại biểu và cổ đông |
| | - Kiểm tra tư cách cổ đông và phát Tài liệu |
| 9:30 - 9:45 (15 p) | - Chào cờ và giới thiệu khách mời |
| | - Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội |
| 9:45 - 10:00 (15 p) | Giới thiệu Nhân sự Đại hội: Đoàn Chủ tọa, Thư ký Đại hội |
| | - Thông qua nhân sự Ban kiểm phiếu |
| | - Thông qua Chương trình Đại hội |
| | - Thông qua Quy chế làm việc của Đại hội |
| 10:00 - 10:30 (30p) | Chương trình nghị sự |
| | - Báo cáo Tài chính năm 2024 đã kiểm toán |
| | - Báo cáo HĐQT kết quả hoạt động năm 2024 và định hướng năm 2025 |
| | - Báo cáo hoạt động của BKS năm 2024 và kế hoạch hoạt động 2025 |
| | - Lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập năm 2025 |
| | - Phân phối lợi nhuận năm 2024 |
| | - Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2025 |
| | - Quyết toán tiền lương, thù lao, tiền thưởng năm 2024 của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát Công ty |
| | - Kế hoạch tiền lương, thù lao, tiền thưởng năm 2025 của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát Công ty |
| | - Tờ trình Bổ sung và sửa đổi ngành nghề kinh doanh và sửa đổi bổ sung Điều lệ Công ty |
| - Khác (nếu có) | |
| 10:30 - 10:45 (15p) | Thảo luận |
| 10:45 - 11:00 (15p) | Biểu quyết |
| 11:00 - 11:15 (15p) | Giải lao |
| 11:15 - 11:30 (15p) | Công bố kết quả Biểu quyết |
| 11:30 - 11:45 (15p) | Thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội |
| 11:45 (05p) | Tuyên bố bế mạc Đại hội |



CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT CHƯƠNG DƯƠNG
606 Võ Văn Kiệt, Phường Cầu Kho, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: (028) 38367 518 Fax: (028) 38367 176
Website: www.cdbeco.com.vn Email: info@cdbeco.com.vn

TP HCM, ngày 01 tháng 4 năm 2025

QUY CHẾ TỔ CHỨC
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2025
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT CHƯƠNG DƯƠNG

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;

Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Nước giải khát Chương Dương,

Nhằm đảm bảo Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Nước giải khát Chương Dương năm 2025 diễn ra thành công tốt đẹp, Hội đồng quản trị (“HĐQT”) xây dựng quy chế, nguyên tắc làm việc, ứng xử, biểu quyết trong Đại hội như sau:

I. MỤC ĐÍCH:

- Quy chế tổ chức được xây dựng nhằm đảm bảo trình tự, nguyên tắc ứng xử, biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Nước giải khát Chương Dương năm 2025 (sau đây gọi tắt là ĐHĐCĐ hoặc Đại hội) diễn ra đúng quy định.
- Tất cả các cổ đông, người đại diện (người được ủy quyền) và khách mời tham dự ĐHĐCĐ thường niên Công ty đều phải chấp hành, tuân thủ các quy định tại Quy chế này, Điều lệ Công ty và quy định hiện hành của pháp luật.

II. NỘI DUNG QUY CHẾ:

1. Điều kiện tiến hành ĐHĐCĐ:

- a. Đại hội được tiến hành khi có số cổ đông/người được ủy quyền tham dự đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
- b. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Mục II; ĐHĐCĐ phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. ĐHĐCĐ triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông và những đại diện được ủy quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
- c. Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Mục II; ĐHĐCĐ được triệu tập lần thứ ba trong thời hạn hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai, và trong trường hợp này ĐHĐCĐ được tiến hành không phụ thuộc vào số cổ đông hay đại diện ủy quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại ĐHĐCĐ lần thứ nhất.

2. Điều kiện cổ đông tham dự Đại hội:

Các cổ đông của Công ty cổ phần Nước giải khát Chương Dương theo danh sách chốt ngày 17/03/2025 đều có quyền tham dự ĐHĐCĐ; có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử tham dự thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện.

3. Khách mời tại Đại hội:

- Là các chức danh quản lý của Công ty cổ phần Nước giải khát Chương Dương, khách mời,

thành viên trong Ban tổ chức Đại hội không phải là cổ đông Công ty nhưng được mời tham dự Đại hội.

- Khách mời không tham gia phát biểu tại Đại hội (trừ trường hợp được Chủ tọa Đại hội mời, hoặc có đăng ký trước với Ban tổ chức Đại hội và được Chủ tọa Đại hội đồng ý).

4. Khách mời, cổ đông tham dự Đại hội phải tuân thủ các quy định sau:

- Đúng giờ, trang phục lịch sự, trang trọng, tuân thủ việc kiểm tra an ninh (nếu có), giấy tờ tùy thân... theo yêu cầu của Ban tổ chức Đại hội.
- Cổ đông đăng ký và tham gia Đại hội, và nhận hồ sơ tài liệu, tại bộ phận đón tiếp.
- Cổ đông đến muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại Đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký tham dự; kết quả biểu quyết các vấn đề đã được tiến hành biểu quyết trước khi cổ đông đó đến tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.
- Để điện thoại ở chế độ rung hoặc tắt máy, khi cần thì ra bên ngoài đàm thoại.
- Không hút thuốc lá trong phòng Đại hội.
- Tuân thủ các quy định của Ban tổ chức, của Chủ tọa Đại hội.
- Trường hợp có cổ đông không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp, quy định nói trên, Chủ tọa sau khi xem xét một cách cẩn trọng, có thể từ chối hoặc trục xuất cổ đông nói trên khỏi nơi diễn ra Đại hội để đảm bảo Đại hội diễn ra một cách bình thường theo chương trình kế hoạch.

5. Chủ tọa Đại hội:

- Chủ tọa Đại hội là Chủ tịch HĐQT. Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số Thành viên HĐQT làm Chủ tọa cuộc họp; trường hợp không có người có thể làm Chủ tọa thì thành viên HĐQT có chức vụ cao nhất điều khiển để ĐHĐCĐ bầu Chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm Chủ tọa cuộc họp.
- Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa:
 - ✓ Chủ trì Đại hội quyết định trình tự, thủ tục và các sự kiện phát sinh ngoài chương trình Đại hội theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty cổ phần Nước giải khát Chương Dương.
 - ✓ Hướng dẫn các cổ đông và Đại hội thảo luận các nội dung có trong chương trình và kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội biểu quyết.
 - ✓ Trả lời hoặc cử cán bộ quản lý có liên quan trả lời các vấn đề do Đại hội yêu cầu và giải quyết các vấn đề phát sinh trong suốt thời gian Đại hội diễn ra.
 - ✓ Các quyền và nghĩa vụ khác được quy định tại Điều lệ Công ty cổ phần Nước giải khát Chương Dương.

6. Ban Thư ký Đại hội:

- Ban Thư ký Đại hội do Chủ tọa chỉ định.
- Quyền và nghĩa vụ của Ban Thư ký Đại hội:
 - ✓ Thực hiện các công việc theo sự phân công của Chủ tọa.
 - ✓ Tiếp nhận phiếu câu hỏi và/ hoặc ý kiến của cổ đông.
 - ✓ Ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực, chính xác toàn bộ nội dung của Đại hội trong Biên bản họp Đại hội và soạn thảo Nghị quyết ĐHĐCĐ.

7. Ban kiểm tra tư cách cổ đông:

- Ban kiểm tra tư cách cổ đông của Đại hội do Ban tổ chức Đại hội cử.
- Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm tra tư cách cổ đông:
 - ✓ Ban kiểm tra tư cách cổ đông có nhiệm vụ tiếp nhận, kiểm tra các loại giấy tờ chứng minh tư cách cổ đông tham dự Đại hội.
 - ✓ Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông trước Đại hội.
 - ✓ Trường hợp người đến dự Đại hội không chứng minh được đầy đủ tư cách cổ đông tham dự Đại hội, Ban kiểm tra tư cách cổ đông có quyền từ chối cấp phiếu biểu quyết và tài liệu họp.

8. Ban kiểm phiếu:

- Ban kiểm phiếu do Chủ tọa đề cử và được ĐHĐCĐ thông qua. Thành viên Ban kiểm phiếu có thể là cán bộ công nhân viên của Công ty cổ phần Nước giải khát Chương Dương, cổ đông và/hoặc đơn vị tư vấn tổ chức ĐHĐCĐ. Thành viên Ban kiểm phiếu không đồng thời là Chủ tọa hoặc Ban Thư ký Đại hội.
- Ban kiểm phiếu có nhiệm vụ:
 - ✓ Kiểm tra nội dung, hình thức và số phiếu phát ra
 - ✓ Phổ biến nguyên tắc, thể lệ, hướng dẫn cách thức biểu quyết
 - ✓ Kiểm tra, giám sát việc bỏ phiếu của các cổ đông và đại diện ủy quyền
 - ✓ Tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu
 - ✓ Công bố kết quả kiểm phiếu một cách trung thực, chính xác và chịu trách nhiệm về kết quả kiểm phiếu trước Đại hội.

9. Phát biểu tại Đại hội:

- Cổ đông tham dự đại hội khi muốn phát biểu ý kiến phải được sự đồng ý của Chủ tọa Đại hội. Cổ đông phát biểu ngắn gọn và tập trung vào đúng những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình đã được Đại hội thông qua hoặc gửi ý kiến bằng văn bản cho Thư ký Đại hội tổng hợp báo cáo Chủ tọa.
- Chủ tọa Đại hội sẽ sắp xếp cho cổ đông phát biểu theo thứ tự đăng ký, đồng thời giải đáp các thắc mắc tại Đại hội hoặc ghi nhận trả lời sau bằng văn bản.

10. Thể lệ biểu quyết tại Đại hội:

a. Các quy định chung về biểu quyết:

- ✓ Mỗi cổ phần sở hữu hoặc đại diện sở hữu ứng với một đơn vị biểu quyết.
- ✓ Mỗi cổ đông đến tham dự Đại hội sẽ được Ban tổ chức Đại hội phát trực tiếp: **một (01) Thẻ biểu quyết** và **một (01) Phiếu biểu quyết** có ghi mã số đại biểu số cổ phần sở hữu và/hoặc đại diện có đóng dấu treo Công ty dùng để biểu quyết các nội dung theo chương trình Đại hội

b. Thể thức biểu quyết, trình tự xin ý kiến biểu quyết:

Tùng vấn đề được đưa ra trước Đại hội thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ đều được xin ý kiến theo trình tự:

- ✓ Tán thành với nội dung vừa được trình;
- ✓ Không tán thành với nội dung vừa được trình;
- ✓ Không có ý kiến với nội dung vừa được trình.



Tại Đại hội, cổ đông tiến hành biểu quyết thông qua các nội dung bằng một trong hai hình thức sau:

- ❖ **Phương thức gior “Thẻ biểu quyết”:** Mỗi cổ đông/người được ủy quyền được phát một (01) Thẻ biểu quyết. Khi tiến hành biểu quyết tại Đại hội, các cổ đông/người được ủy quyền gior Thẻ biểu quyết lên cao hướng về phía Chủ tọa.
 - ✓ Trường hợp cổ đông/người được ủy quyền không gior Thẻ biểu quyết trong cả ba lần biểu quyết tán thành, không tán thành và không ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết tán thành vấn đề đó.
 - ✓ Trường hợp cổ đông/người được ủy quyền gior cao Thẻ biểu quyết trong cả ba lần hoặc hai trong số ba lần biểu quyết tán thành, không tán thành và không ý kiến của một vấn đề, thì được xem như biểu quyết không tán thành vấn đề đó.
 - ✓ Theo hình thức biểu quyết bằng gior Thẻ biểu quyết, thành viên Ban kiểm phiếu đánh dấu mã đại biểu và số phiếu biểu quyết tương ứng của từng cổ đông tán thành, không tán thành, không có ý kiến.
- ❖ **Phương thức điền vào “Phiếu biểu quyết”:** Mỗi cổ đông/người được ủy quyền được phát một (01) Phiếu biểu quyết trong đó có ba (03) ý kiến: tán thành, không tán thành, không có ý kiến với từng vấn đề. Cổ đông/người được ủy quyền đánh dấu “X” hoặc “✓” vào ô mình chọn. Phương thức này dùng để thông qua các nội dung thuộc Báo cáo/Tờ trình tại Đại hội.

c. Tính hợp lệ của Phiếu biểu quyết:

- ❖ **Phiếu biểu quyết hợp lệ:**
 - ✓ Phiếu theo mẫu in sẵn do Ban tổ chức phát ra.
 - ✓ Không tẩy xóa, cạo sửa, thay đổi các nội dung in ấn. Khi có bổ sung nội dung thì ghi đúng số thứ tự của nội dung cần biểu quyết, không viết thêm nội dung khác ngoại trừ các nội dung theo yêu cầu của Ban Tổ chức.
 - ✓ Phải có chữ ký, dưới chữ ký phải có đầy đủ họ tên của cổ đông/ người được ủy quyền tham dự.
 - ✓ Đối với mỗi nội dung biểu quyết (Báo cáo, Tờ trình): Thẻ có chọn một (01) trong ba (03) ô vuông biểu quyết.
- ❖ **Phiếu biểu quyết không hợp lệ:**
 - ✓ Là các phiếu không đáp ứng được một trong các điều kiện của Phiếu biểu quyết hợp lệ. Tuy nhiên, các nội dung biểu quyết còn lại được biểu quyết hợp lệ sẽ vẫn được tính vào kết quả biểu quyết.

d. Ghi nhận kết quả biểu quyết:

- ✓ Ban kiểm phiếu có nhiệm vụ ghi nhận, kiểm tra số phiếu tán thành, không tán thành, không có ý kiến của từng nội dung thông qua tại Đại hội. Đồng thời chịu trách nhiệm thống kê và báo cáo kết quả kiểm phiếu biểu quyết tại ĐHĐCĐ.

e. Tỷ lệ tối thiểu cần đạt được khi biểu quyết:

- ✓ Đối với quyết định các nội dung liên quan đến loại cổ phần, tổng số cổ phần của từng loại; thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh; thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty cổ phần Nước giải khát Chương Dương (CDBECO); dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty cổ phần Nước giải khát Chương Dương; tổ chức lại, giải thể CDBECO; gia hạn hoạt động của CDBECO được thông qua khi có ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông/ người được ủy quyền dự họp tán thành.

- ✓ Đối với các vấn đề khác được thông qua khi được số cổ đông/ người được ủy quyền đại diện cho ít nhất 50%.

11. Biên bản và Nghị Quyết ĐHĐCĐ

- Tất cả các nội dung tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 phải được Ban Thư ký ghi vào Biên bản của Đại hội.
- Biên bản và Nghị quyết họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 phải được thông qua trước khi bế mạc Đại hội và được lưu lại tại trụ sở chính của Công ty cổ phần Nước giải khát Chương Dương.

III. THỰC HIỆN:

- Tất cả các cổ đông, người đại diện, khách mời tham dự Đại hội có trách nhiệm tuân thủ đầy đủ các nội dung đã quy định tại quy chế này, các quy định, nội quy, quy chế quản lý hiện hành của Công ty cổ phần Nước giải khát Chương Dương và các quy định pháp luật có liên quan, chấp hành các quyết định của Chủ tọa, Ban tổ chức Đại hội. Nếu vi phạm tùy theo mức độ Chủ tọa Đại hội sẽ áp dụng các biện pháp xử lý từ việc hạn chế không được phát biểu, trực xuất ra khỏi hội trường nơi diễn ra Đại hội, hoặc chuyển sang cơ quan pháp luật xử lý theo quy định của pháp luật.
- Các nội dung không được quy định chi tiết tại quy chế này thì thống nhất áp dụng theo quy định tại Điều lệ Công ty cổ phần Nước giải khát Chương Dương, Luật Doanh nghiệp 2020 và các văn bản pháp luật liên quan.

Quy chế này có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Teck Chuan Lester



CHUONG DUONG BEVERAGES JOINT STOCK COMPANY

606 Vo Van Kiet, Cau Kho Ward, District 1, HCM City

Tel.: (028) 38367 518

Fax: (028) 38367 176

Website: www.cdbeco.com.vn

Email: info@cdbeco.com.vn

TP. HCM, ngày 04 tháng 4 năm 2025

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2024 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2025

Kính gửi: Đại Hội đồng Cổ đông
Công ty Cổ phần Nước giải khát Chương Dương

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Nước giải khát Chương Dương (sau đây gọi tắt là "CDBECO") xin trân trọng báo cáo kết quả hoạt động năm 2024 và kế hoạch năm 2025 đến Quý Cổ đông như sau:

A. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2024:

I. Tổng quan

1.1. Tình hình chung kinh tế thế giới⁽¹⁾

Năm 2024, kinh tế thế giới tiếp tục quá trình phục hồi chậm và không đồng đều, liên tục được cải thiện về cuối năm. Nhiều rủi ro kéo dài với các chuỗi cung ứng và giá cả hàng hóa quốc tế, mặc dù mặt bằng lạm phát toàn cầu đã có những bước cải thiện đáng kể so với năm 2023. Nhiều nền kinh tế lớn đã bắt đầu quá trình cắt giảm lãi suất, giúp nới lỏng các điều kiện tài chính. Tỷ lệ thất nghiệp toàn cầu hiện giảm dần, thậm chí xuất hiện tình trạng thiếu lao động tại nhiều nơi.

Tình trạng căng thẳng trong thương mại quốc tế, đặc biệt là giữa Mỹ và Trung Quốc, Nga và phương Tây đang và sẽ tiếp tục gây ảnh hưởng tiêu cực lên tăng trưởng kinh tế toàn cầu. Điều này đang đòi hỏi các chính phủ cần có những hành động quyết đoán để bảo đảm tính bền vững của nợ công và duy trì không gian chính sách cho các phản ứng với các cú sốc trong tương lai.

1.2. Tình hình kinh tế Việt Nam: Tăng trưởng kinh tế có nhiều khởi sắc, vượt chỉ tiêu đề ra⁽²⁾

Theo báo cáo của Tổng cục Thống kê, tổng sản phẩm quốc nội (GDP) năm 2024 ước tính tăng 7,09% so với năm trước. Trong mức tăng tổng giá trị tăng thêm toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,27%, đóng góp 5,37%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,24%, đóng góp 45,17%; khu vực dịch vụ tăng 7,38%, đóng góp 49,46%. Theo đó, quy mô GDP theo giá hiện hành năm 2024 ước đạt 11.511,9 nghìn tỷ đồng, tương đương 476,3 tỷ USD; GDP bình quân đầu người năm 2024 theo giá hiện hành ước đạt 114 triệu đồng/người, tương đương 4.700 USD, tăng 377 USD so với năm 2023.

¹ Tạp chí ngân hàng, "Tổng quan kinh tế thế giới 2024 và triển vọng 2025".

² Tổng cục Thống kê Việt Nam, "Các động lực tăng trưởng năm 2025".

Năng suất lao động của toàn nền kinh tế năm 2024 theo giá hiện hành ước đạt 221,9 triệu đồng/lao động (tương đương 9.182 USD/lao động, tăng 726 USD so với năm 2023); theo giá so sánh, năng suất lao động tăng 5,88% do trình độ của người lao động được cải thiện (tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng, chứng chỉ năm 2024 ước đạt 28,3%, cao hơn 1,1 điểm phần trăm so với năm 2023).

Những thách thức của nền kinh tế Việt Nam⁽³⁾

Thứ nhất, tiêu dùng trong nước tuy có gia tăng, nhưng tăng nhẹ, khiến tổng cầu yếu. Tính cả năm 2024, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng theo giá hiện hành ước đạt 6.391,0 nghìn tỷ đồng, tăng 9,0% so với năm trước (năm 2023 tăng 9,4%), nếu loại trừ yếu tố giá tăng 5,9% (năm 2023 tăng 6,8%). Điều đáng lưu ý là bán lẻ hàng hóa có tốc độ tăng thấp nhất, đạt 8,1% so với cùng kỳ năm trước. Và trong cuối năm, người tiêu dùng trong nước sẽ vẫn tiếp tục hạ chi tiêu để gia tăng tiết kiệm, càng làm nhu cầu hàng hóa và dịch vụ tăng thấp hơn.

Thứ hai, tỷ giá USD - VND biến động khó lường. Nền kinh tế Việt Nam chịu ảnh hưởng mạnh từ nhu cầu tiêu dùng của Mỹ, với sản xuất hàng xuất khẩu phục hồi tích cực, nhưng dễ tổn thương trước sự suy giảm chi tiêu hộ gia đình Mỹ và thay đổi chính sách thương mại nhằm ngăn chặn nhập khẩu hàng hóa Trung Quốc qua các nền kinh tế trung gian.

Thứ ba, huy động vốn đầu tư, nhất là phục vụ gia tăng đầu tư công nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế theo mức chỉ tiêu phấn đấu khoảng 7 - 7,5% trong năm 2025 sẽ gặp khó khăn do cân đối thu - chi ngân sách còn hạn chế, dẫn đến số dư cho đầu tư còn ít.

Thứ tư, thuế quan và các biện pháp phi thuế quan đều đang được áp dụng ngày càng nhiều trong thương mại quốc tế. Điều này càng gây khó khăn cho xuất khẩu của Việt Nam đến thị trường lớn thế giới. Năm 2024 ghi nhận 26 vụ điều tra phòng vệ thương mại từ nước ngoài, tăng cao nhất trong giai đoạn 2020 - 2024, mà trong đó, Mỹ chiếm gần 50% tổng số vụ việc.

Thứ năm, thu nhập tăng chậm hơn giá nhà ở đặt ra thách thức lớn. Trong năm 2024, giá bất động sản liên tục gia tăng mạnh, dẫn đến kéo giãn khoảng cách giữa giá bất động sản so với mức thu nhập bình quân của người dân. Giá bất động sản gia tăng còn kéo theo giá thuê nhà tăng dẫn đến khả năng của các hộ gia đình tìm kiếm được một căn hộ phù hợp để thuê dài hạn thay vì mua ngay sẽ càng trở nên khó khăn hơn. Và khi nhu cầu nhà ở không được đáp ứng, ổn định xã hội sẽ chịu ảnh hưởng và tiềm ẩn các nguy cơ cho các vấn đề xã hội khác.

1.3. Tổng quan ngành nước giải khát 2024⁽⁴⁾

Thị trường nước giải khát Việt Nam luôn sôi động với sự cạnh tranh không ngừng giữa các thương hiệu. Năm 2024, cuộc đua này càng trở nên khốc liệt hơn bao giờ hết với sự xuất hiện của hàng loạt sản phẩm mới, đáp ứng nhu cầu ngày càng đa dạng và tinh tế của người tiêu dùng.

³ *Tap chí công sản, "kinh tế Việt Nam 2024 và triển vọng năm 2025".*

⁴ *Thị trường Việt Nam, "Thị trường nước giải khát Việt Nam 2024: Cuộc đua sôi động và những xu hướng nổi bật"*

Doanh số bán hàng trong ngành nước giải khát Việt Nam trong năm 2024, tổng tiêu thụ nước giải khát tại Việt Nam đạt 4,658 tỷ lít, tăng 4,8% so với năm 2023, mang lại doanh thu 8,78 tỷ USD. Con số ấn tượng này cho thấy tiềm năng to lớn của thị trường nước giải khát Việt Nam. Sự tăng trưởng kinh tế ổn định, dân số trẻ và năng động, cùng với thói quen tiêu dùng nước giải khát ngày càng phổ biến là những yếu tố then chốt thúc đẩy sự phát triển của ngành.

Năm 2024, thị trường nước giải khát Việt Nam chứng kiến sự lên ngôi của những xu hướng nổi bật sau:

Xu hướng "lành mạnh hóa" lên ngôi

Người tiêu dùng Việt Nam ngày càng quan tâm đến sức khỏe, dẫn đến sự thay đổi rõ rệt trong thói quen tiêu dùng nước giải khát. Các sản phẩm ít đường, không đường, bổ sung vitamin và khoáng chất đang dần chiếm ưu thế.

Nước đóng chai và nước trái cây là hai phân khúc được hưởng lợi nhiều nhất từ xu hướng này. Ngược lại, nước ngọt có ga đang phải đối mặt với những thách thức lớn do lo ngại về hàm lượng đường cao và tác động tiêu cực đến sức khỏe.

"Sống xanh" - Xu hướng tất yếu của thời đại

Bên cạnh sức khỏe, người tiêu dùng cũng ngày càng quan tâm đến vấn đề bảo vệ môi trường. Xu hướng sử dụng các sản phẩm thân thiện với môi trường, bao bì có thể tái chế đang được ưa chuộng.

Nhiều thương hiệu nước giải khát tại Việt Nam đã chủ động cam kết sử dụng 100% vật liệu tái chế cho bao bì, đồng thời khuyến khích người tiêu dùng tham gia vào quá trình tái chế. Đây là một bước tiến quan trọng, góp phần xây dựng một nền kinh tế tuần hoàn và bảo vệ môi trường.

Cá nhân hóa - Chìa khóa chinh phục khách hàng hiện đại

Trong thời đại công nghệ số, người tiêu dùng mong muốn được trải nghiệm những sản phẩm và dịch vụ được cá nhân hóa, đáp ứng tối đa nhu cầu và sở thích riêng.

Các thương hiệu nước giải khát cần nắm bắt xu hướng này, đa dạng hóa sản phẩm, hương vị và mẫu mã để thu hút những nhóm khách hàng khác nhau. Ứng dụng công nghệ trong việc tương tác và cá nhân hóa trải nghiệm khách hàng cũng là một lợi thế cạnh tranh quan trọng.

1.4. Phân tích tình hình của CDBECO:

a. Thuận lợi

- Được sự hỗ trợ quan tâm từ Tổng công ty SABECO và các Phòng ban chức năng, sự ủng hộ từ Các công ty con trong hoạt động sản xuất và kinh doanh
- Sự quan tâm, chỉ đạo sâu sát của HĐQT, sự nỗ lực và cố gắng từ Ban điều hành Công ty, cùng toàn thể CBNV CDBECO.

b. Các khó khăn CDBECO đang gặp phải :

- Hoạt động kinh doanh của CDBECO liên tiếp bị lỗ kể từ năm 2021 (đỉnh điểm là kết quả hoạt động năm 2023 lỗ 119 tỷ) nguyên nhân chủ yếu đến từ chi phí tăng khi dời nhà máy về Nhơn Trạch, những thay đổi trong nhân sự quản lý cấp cao, dự án MP3 chưa đạt công suất tối đa dẫn đến doanh thu thấp hơn dự kiến,.. gây thiếu hụt về dòng tiền, và tác động lớn nhất là sự gia tăng chi phí thuê đất do các quy định mới về đất đai được áp dụng từ tháng 8 năm 2024.
- Chi phí tiền thuê đất thống kê theo các năm như sau:

| Đvt: tỷ đồng | | | | | |
|------------------|-------------|-------------|-------------|-------------|-------------|
| Địa điểm | 2022A | 2023A | 2024A | 2025BG | 2026FC |
| Quận 1 (606 VVK) | 13.3 | 57.5 | 26.1 | 43.7 | 43.7 |
| Quận Tân Phú | 0.3 | 0.3 | 0.5 | 0.7 | 0.7 |
| Quận Thủ Đức | 1.1 | 1.4 | 2.1 | 2.7 | 2.7 |
| Quận 6 | 0.3 | 0.5 | 2.0 | 1.4 | 1.4 |
| Tổng cộng | 15.0 | 59.7 | 30.7 | 48.5 | 48.5 |

- Chi phí tiền thuê đất 2026 dự kiến bằng với chi phí ước tính trong kế hoạch tài chính năm 2025.
- Năm 2024 cho thấy sự phục hồi, thể hiện ở sản lượng bán hàng tăng 34% so với năm 2023 và khoản lỗ còn -65 tỷ (từ -119 tỷ).
- Tỷ lệ thuê kho bình quân từ dự án MP3 vẫn còn ở mức thấp (tỷ lệ lấp đầy đạt 51% ở năm 2024; kỳ vọng tăng đến 65% trong năm 2025).

II. Kết quả kinh doanh của CDBECO năm 2024:

| Hạng mục | Đơn vị tính | Thực hiện 2023 (A) | Kế hoạch 2024 (B) | Thực hiện 2024 (C) | % so với cùng kỳ (C-A)/(A) | % so với Kế hoạch (C-B)/(B) |
|--------------------|-------------|--------------------|-------------------|--------------------|----------------------------|-----------------------------|
| Doanh thu thuần | Tỷ đồng | 126.278 | 225.26 | 183.28 | 45% | -19% |
| Lợi nhuận sau thuế | Tỷ đồng | (119.252) | (73.11) | (65.59) | 45% | 10% |

Phân tích năm 2024

- Nhờ sản lượng tiêu thụ tăng trưởng 34% so với 2023 và tối ưu hóa chi phí sản xuất kinh doanh đã giúp lợi nhuận sau thuế tăng 53.7 tỷ so với 2023. Lỗ sản xuất kinh doanh được giảm dần.
- Tổng doanh thu tăng 45% so với 2023 nhờ vào việc mở rộng mạng lưới nhà phân phối các khu vực và tăng khai thác cho thuê nhà kho tại KCN Mỹ Phước 3- Bình Dương.
- Lợi nhuận sau thuế đã dần được phục hồi, tăng so với năm ngoài 2023 và so với kế hoạch đề ra tuy vẫn còn âm lợi nhuận.

III. Hoạt động của Hội đồng Quản trị trong năm 2024:

- Trong năm 2024 Hội đồng Quản trị CDBECO đã tổ chức 04 cuộc họp . Ngoài các phiên họp thường kỳ, HĐQT cũng đã thông qua các Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản để chỉ đạo kịp thời, hiệu quả các vấn đề phát sinh trong hoạt động kinh doanh thuộc thẩm quyền của HĐQT.
- Có tổng cộng 12 Nghị quyết được ban hành.
- Tất cả các cuộc họp của HĐQT đều được lên lịch và thông báo cho Trưởng Ban Kiểm soát để tham gia.
- Tất cả các Nghị quyết đều được Giám đốc thực hiện và kết quả được báo cáo lên HĐQT.
- Thù lao của các thành viên HĐQT đã được ĐHCĐ 2024 thông qua và các thành viên HĐQT đã nhận được khoản thù lao này theo quy định và theo chính sách của Công ty.

Giám sát và đánh giá các hoạt động của Ban điều hành

Căn cứ Điều lệ Công ty và Quy chế nội bộ Quản trị Công ty, HĐQT đã giao Ban điều hành Công ty thực hiện các Nghị quyết của HĐQT nhằm hoàn thành các chỉ tiêu Kế hoạch sản xuất kinh doanh.

HĐQT luôn tuân thủ các mục tiêu và định hướng phát triển được Đại hội đồng cổ đông thông qua nhằm đưa ra quyết định và giải pháp thực hiện các nhiệm vụ/ hoạt động kinh doanh cụ thể.

Kết quả chỉ đạo, giám sát các hoạt động của Công ty thể hiện qua các lĩnh vực như sau:

3.1. Cơ cấu tổ chức

- Hội Đồng quản trị: 05 thành viên
- Ban Kiểm soát : 03 thành viên

3.2. Hoạt động Bán hàng & Marketing:

- Tiết kiệm và tối ưu hóa chi phí: Thực hiện các dự án thay đổi chất liệu bao bì thân thiện môi trường và tinh gọn thiết kế với chi phí tốt hơn nhằm tối đa hóa lợi nhuận cho các dòng sản phẩm đóng lon.

- Tăng cường kết nối với người tiêu dùng: Đã thực hiện các chiến dịch quảng cáo và truyền thông nhằm nhắc nhở người tiêu dùng và kích thích sự quan tâm và sử dụng sản phẩm.
- Gia tăng tương tác Người tiêu dùng với các hoạt động minigame và chương trình khuyến mãi hấp dẫn.
- Hỗ trợ kinh doanh: Triển khai các kế hoạch hỗ trợ phát triển kinh doanh, tăng cường hình ảnh tại điểm bán. Thông qua các chương trình trưng bày và tích lũy.

3.3. Hoạt động Sản xuất

- Ban điều hành có sự sâu sát, chỉ đạo trong hoạt động mua sắm nguyên vật liệu để tìm nguồn vật liệu đạt chất lượng, giá cả cạnh tranh. Có sự theo dõi tình hình biến động thị trường đối với các mặt hàng nguyên vật liệu phục vụ sản xuất để kịp thời xây dựng kế hoạch mua hàng với giá cả phù hợp nhằm tối ưu hoá chi phí sản xuất.
- Khôi sản xuất đã có những cải tiến kỹ thuật cũng như thực hiện các giải pháp kiểm soát định mức nguyên vật liệu, tiết kiệm chi phí nhằm kiểm soát tốt giá thành sản phẩm .
- Tối ưu hóa hệ thống vận hành như: rà soát, cải tiến quy trình sản xuất để giảm thiểu lượng năng lượng tiêu thụ; sử dụng các thiết bị, máy móc có hiệu suất năng lượng cao; tối ưu hóa hệ thống chiếu sáng, thông gió; hạn chế tối đa việc sử dụng năng lượng vào giờ cao điểm.

3.4. Hoạt động Đầu tư:

- Dự án nhà xưởng/nhà kho cho thuê tại KCN Mỹ Phước 3: Tiếp tục thực hiện việc cho thuê với các đối tác trong và ngoài nước. Đồng thời, Công ty duy trì thường xuyên việc tìm kiếm thêm các đối tác khác để lấp đầy diện tích cho thuê.

B. ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2025 :

I. Tổng quan kinh tế và thị trường nước giải khát 2025

1.1. Tổng quan kinh tế năm 2025⁽⁵⁾

Bối cảnh kinh tế thế giới năm 2025 được dự báo đang dần trở lại quỹ đạo tăng trưởng, xu hướng phục hồi rõ nét hơn nhưng không đồng đều giữa các quốc gia. Các tổ chức như OECD, IMF và EU nhận định tốc độ tăng trưởng GDP toàn cầu trong năm 2025 tăng nhẹ hoặc ổn định ở mức 3,2%-3,3%. Tuy nhiên, nền kinh tế toàn cầu vẫn phải đối mặt với nhiều rủi ro thách thức như xung đột và căng thẳng địa chính trị, chuỗi cung ứng toàn cầu còn yếu do bất ổn địa chính trị, thiếu hụt nguồn cung, lạm phát đang hạ nhiệt nhưng vẫn ở mức cao, rủi ro lãi suất tăng và biến động tỷ giá hối đoái. Bên cạnh đó, những chính sách kinh tế mới của chính quyền Tổng thống Mỹ Donald Trump dự kiến sẽ tác động sâu sắc hơn đến tình hình kinh tế thế giới nói chung và nhiều quốc gia, trong đó có Việt Nam.

1.2. Thị trường nước giải khát 2025⁽⁶⁾

- Thị trường nước giải khát Việt Nam đang chứng kiến sự dịch chuyển từ các loại đồ uống có đường sang những sản phẩm tự nhiên, bổ dưỡng hơn. Người tiêu dùng ngày càng ưa chuộng các sản phẩm có nguồn gốc thực vật như nước ép trái cây nguyên chất, sữa hạt, trà thảo mộc và nước uống bổ sung dưỡng chất như collagen, probiotic. Những sản phẩm này không chỉ giúp duy trì sức khỏe mà còn đáp ứng nhu cầu về thực phẩm sạch, an toàn và bền vững.
- Ngoài yếu tố sức khỏe, ý thức bảo vệ môi trường cũng đang trở thành một yếu tố quan trọng trong quyết định mua hàng. Người tiêu dùng có xu hướng lựa chọn các sản phẩm nước giải khát thân thiện với môi trường, từ bao bì có thể tái chế cho đến quy trình sản xuất giảm thiểu tác động tiêu cực đến tài nguyên thiên nhiên.

II. Kế hoạch năm 2025:

- Kế hoạch năm 2025 với dự kiến sản lượng bán tăng 38% so với năm 2024 thông qua việc mở rộng mạng lưới phân phối ở miền Nam và miền Trung, ra mắt sản phẩm mới giúp cho doanh thu ròng dự kiến sẽ tăng 77 tỷ đồng (+42%). Tuy nhiên, khoản lỗ sau thuế vẫn còn ở mức - 80.49 tỷ, mặc dù đã tối ưu hóa chi phí vận hành, chủ yếu do phí sử dụng đất ước tính vẫn ở mức cao, bên cạnh việc phát sinh chi phí lãi vay liên quan đến khoản vay trước đó.

| Hạng mục | Đơn vị tính | Thực hiện 2024 (A) | Kế hoạch 2025 (B) | Tỷ lệ tăng trưởng theo % (B-A)/(A) |
|--------------------|-------------|--------------------|-------------------|------------------------------------|
| Doanh thu thuần | Tỷ đồng | 183.28 | 260.34 | 42% |
| Lợi nhuận sau thuế | Tỷ đồng | (65.59) | (80.49) | - 23% |

Các hoạt động chính trong năm 2025

- Triển khai thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bao gồm kế hoạch kinh doanh năm 2025.
- CDBECO thực hiện thúc đẩy tăng trưởng kinh doanh theo kế hoạch và tăng tỷ lệ lấp đầy tại MP3 để đẩy mạnh nguồn thu, tối ưu hóa dòng tiền.
- Thực hiện tái cấu trúc Công ty để tập trung vào hoạt động kinh doanh cốt lõi, tối ưu hoá nguồn lực và giảm thiểu rủi ro.
- Mở rộng hơn nữa độ phủ thương hiệu thông qua các chiến dịch Marketing toàn diện, kết hợp trực tuyến và ngoại tuyến.

⁵ Kinh tế và dự báo, " bức tranh kinh tế thế giới 2024 và triển vọng năm 2025".

⁶ Kinh tế tiêu dùng, "thị trường nước giải khát 2025"

- Tăng cường tương tác với khách hàng thông qua các chương trình khuyến mãi, sự kiện và hoạt động cộng đồng
- Đẩy mạnh công tác nghiên cứu, phát triển nâng cao chất lượng sản phẩm và tung sản phẩm mới.
- Tập trung cải tiến nâng cấp thiết bị / hệ thống đảm bảo kiểm soát tốt nhất về chất lượng, tăng năng suất, giảm chi phí hoạt động.
- Tập trung phát triển kênh thương mại hiện đại, kênh bán hàng trực tuyến.
- Tái cấu trúc hệ thống Nhà phân phối theo cấp độ sản lượng: Nhà phân phối cấp 1, Nhà phân phối cấp 2.
- Bổ sung lực lượng bán hàng để quản lý và phát triển nhà phân phối mới vào năm 2025 nhằm tăng sản lượng bán ra.

Trên đây là báo cáo kết quả hoạt động trong năm 2024 và phương hướng hoạt động năm 2025 của HĐQT.

Kính trình Đại Hội đồng Cổ đông thông qua Kế hoạch kinh doanh năm 2025 nêu trên.

Trân trọng.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Tan Teck Chuan Lester



CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT CHƯƠNG DƯƠNG

606 Võ Văn Kiệt, Phường Cầu Kho, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 38367 518

Fax: (028) 38367 176

Website: www.cdbeco.com.vn

Email: info@cdbeco.com.vn

TP. HCM, ngày 31 tháng 03 năm 2025

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2024 VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2025

Kính gửi: Đại Hội đồng Cổ đông (ĐHĐCĐ)
Công ty Cổ phần Nước giải khát Chương Dương (CDBECO)

Căn cứ chức năng nhiệm vụ của Ban Kiểm soát (BKS) được quy định trong Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty Cổ phần Nước giải khát Chương Dương (Công ty).

Căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2024;

Căn cứ kết quả hoạt động của Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành và Ban Kiểm Soát trong năm 2024.

Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Nước giải khát Chương Dương kính trình Đại Hội đồng Cổ đông báo cáo đánh giá hoạt động của Công ty năm 2024 và kế hoạch hoạt động BKS trong năm 2025 như sau:

I. Nhân sự và thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban Kiểm soát - thành viên Kiểm soát theo Điều lệ của Công ty Cổ phần Nước giải khát Chương Dương:

Nhân sự Ban Kiểm Soát gồm 3 thành viên:

- (ông) Nguyễn Phước Thoại: Trưởng ban kiểm soát
- (ông) Nguyễn Hoàng Hiệp: thành viên
- (bà) Nguyễn Thị Ngọc Dung: thành viên

Thù lao, tiền lương chi phí hoạt động của Ban kiểm soát thực hiện theo Nghị quyết 04 /2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/04/2024 năm 2024 phê duyệt. Trong đó: + Trưởng ban kiểm soát chuyên trách hưởng lương (theo chủ trương của Tổng Công ty Cổ Phần Bia - Rượu - NGK Sài Gòn) và các chế độ khác theo kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

| TT | Diễn giải | ĐVT | Kế hoạch 2024 | Thực hiện 2024 |
|------------------|------------------------------------|-------|--------------------|--------------------|
| I | Tiền lương, tiền thưởng | | | |
| 1 | Trưởng Ban Kiểm soát chuyên trách | Người | 01 | 01 |
| 2 | Quý tiền lương | Đồng | 407,203,908 | 406,903,908 |
| 3 | Quý tiền thưởng | Đồng | - | - |
| II | Thù lao | | | |
| 1 | Số lượng các thành viên kiêm nhiệm | Người | 02 | 02 |
| 2 | Quý thù lao | Đồng | 104,000,000 | 104,000,000 |
| Tổng tiền | | Đồng | 511,203,908 | 510,903,908 |

II. Các hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm 2024:

II.1 Tổng kết số lượng cuộc họp của Ban Kiểm soát trong năm 2024:

Trong năm 2024, Ban Kiểm soát đã: Tổ chức thực hiện: 02 cuộc họp.

II.2 Cách thức giám sát tình hình hoạt động của Công ty năm 2024:

- Tham gia đầy đủ 04/04 buổi họp của Hội đồng Quản trị để nắm bắt tình hình kinh doanh, kiểm tra giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ 2024, Nghị quyết HĐQT, báo cáo quản trị của HĐQT.
- Xem xét tính hợp pháp của các quyết định của HĐQT, Ban Điều hành trong việc quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trên cơ sở quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Nghị quyết ĐHĐCĐ và Quy chế quản lý tài chính của Đơn vị.
- Tham gia vào việc soạn thảo, soát xét các quy chế của Công ty, góp phần xây dựng hệ thống kiểm soát nội bộ có hiệu quả và phù hợp pháp luật hiện hành.
- Soát xét các Báo cáo tài chính định kỳ tháng/quý/năm trên cơ sở các quy định, quy chế Công ty; kiểm tra tính pháp lý của chứng từ nhằm đánh giá tính thận trọng, tính trung thực và hợp lý, hợp lệ của các số liệu tài chính thể hiện trên các báo cáo của Công ty.

III. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty:

1. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2024:

| Các chỉ tiêu | ĐVT | Thực hiện 2024 | Kế hoạch 2024 | Thực hiện/ kế hoạch % |
|-----------------------------------|-------------------|-----------------|-----------------|-----------------------|
| Doanh thu thuần: bán hàng-dịch vụ | " | 183,278 | 225,263 | 81% |
| Tổng doanh thu – thu nhập | Triệu đồng | 196,745 | 265,971 | 74% |
| - Doanh thu bán hàng-dịch vụ | Triệu đồng | 190,960 | 262,297 | 73% |
| - Thu nhập tài chính | " | 2,994 | 1,940 | 154% |
| - Thu nhập khác | " | 2,790 | 1,734 | 161% |
| Tổng chi phí | " | 263,414 | 339,887 | 78% |
| - Chiết khấu | " | 7,682 | 6,826 | 113% |
| - Giá vốn | " | 132,983 | 184,966 | 72% |
| - Chi phí bán hàng | " | 49,936 | 83,238 | 60% |
| - Chi phí quản lý | " | 21,653 | 30,513 | 71% |
| - Chi phí tài chính | " | 40,530 | 31,393 | 129% |
| - Chi phí khác | " | 10,630 | 2,951 | 360% |
| Tổng lợi nhuận trước thuế | " | (66,669) | (73,916) | 90% |
| Chi phí Thuế TNDN hiện hành | " | (1,085) | (803) | 135% |
| Lợi nhuận sau thuế | " | (65,585) | (73,113) | 90% |

2. Tài sản và nguồn vốn tại thời điểm ngày 31/12/2024:

| Các chỉ tiêu | 31/12/2024 VND | 01/01/2024 VND |
|---|--------------------------|--------------------------|
| Tổng tài sản | 647,133,339,102 | 687,658,753,981 |
| Tài sản ngắn hạn | 130,211,636,337 | 148,234,747,065 |
| <i>Trong đó:</i> | | |
| <i>Tiền và tương đương tiền</i> | <i>65,872,295,390</i> | <i>105,381,973,891</i> |
| <i>Hàng tồn kho</i> | <i>40,854,156,051</i> | <i>19,683,199,606</i> |
| <i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</i> | <i>8,041,275,144</i> | <i>6,628,368,650</i> |
| Tài sản dài hạn | 516,921,702,765 | 539,424,006,916 |
| <i>Trong đó:</i> | | |
| <i>Tài sản cố định, Bất động sản</i> | <i>291,427,883,614</i> | <i>307,442,155,491</i> |
| <i>Tài sản cố định thuê tài chính</i> | <i>151,786,364,599</i> | <i>157,031,248,423</i> |
| <i>Tài sản dài hạn, xây dựng cơ bản</i> | <i>60,206,454,552</i> | <i>61,445,603,002</i> |
| Tổng nguồn vốn | 647,133,339,102 | 687,658,753,981 |
| NỢ PHẢI TRẢ | 724,451,205,799 | 699,391,878,591 |
| <i>Trong đó:</i> | | |
| <i>Phải trả người bán ngắn hạn</i> | <i>41,937,356,637</i> | <i>21,464,318,968</i> |
| <i>Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước</i> | <i>43,152,777</i> | <i>9,553,484,210</i> |
| <i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn</i> | <i>463,103,690,557</i> | <i>438,705,078,375</i> |
| <i>Nợ dài hạn</i> | <i>177,946,931,385</i> | <i>178,020,130,155</i> |
| VỐN CHỦ SỞ HỮU | (77,317,866,697) | (11,733,124,610) |
| <i>Trong đó:</i> | | |
| <i>Vốn góp của chủ sở hữu:</i> | <i>85,000,000,000</i> | <i>85,000,000,000</i> |
| <i>Cổ phiếu quỹ</i> | <i>(347,276,838)</i> | <i>(347,276,838)</i> |
| <i>Quỹ đầu tư phát triển</i> | <i>104,569,834,944</i> | <i>104,569,834,944</i> |
| <i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/(Lỗ)</i> | <i>(266,540,424,803)</i> | <i>(200,955,682,716)</i> |



3. Nhận xét, đánh giá:

- Tổng doanh thu thực hiện năm 2024 là 196,74 tỷ đồng chỉ đạt 74% kế hoạch, vượt 46.4% cùng kỳ năm 2023.
- Lợi nhuận sau thuế vẫn lỗ -65,5 tỷ đồng, thấp hơn kế hoạch năm (lỗ -73,1 tỷ đồng). Trong đó, lợi nhuận của hoạt động sản xuất kinh doanh lỗ -21,29 tỷ, lợi nhuận hoạt động tài chính và khác lỗ -45,37 tỷ.
- Kết quả tiêu thụ trong năm 2024: đạt 74,3% kế hoạch, đồng nghĩa làm giảm doanh thu bán hàng thuần tương ứng đạt 72% kế hoạch.
- Trong năm 2024: Dự án Bất động sản cho thuê: “Nhà xưởng cho thuê tại KCN Mỹ Phước 3” đạt doanh thu hoạt động cho thuê trong năm 2024: 22,2 tỷ đồng (đạt 74% kế hoạch).
- Ban điều hành thường xuyên kiểm soát chi phí, rà soát, chỉnh sửa, bổ sung các quy định, quy chế. Điều hành dòng tiền hợp lý, hiệu quả; kiểm soát định mức và giá thành.
- Mặt khác, năm 2024 chi phí thuê đất và chi phí tài chính rất cao. Trong đó, lãi vay cao hơn kế hoạch do chưa tất toán các khoản vay ngắn hạn từ SABECO. Và trong tháng 09/2024: đã thực hiện lấy ý kiến cổ đông để: “gia hạn thời gian vay thêm 1 năm cho gốc và lãi của khoản vay này” và được thông qua.

- BKS thực hiện kiểm soát định kỳ số liệu báo cáo tài chính tháng/quý của Chương Dương. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực, hợp lý, phù hợp với chuẩn mực chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.
- Hoạt động sản xuất kinh doanh của Chương Dương tuân thủ theo quy định của pháp luật, Điều lệ hiện hành của Công ty.
- Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành đã tổ chức các cuộc họp định kỳ, ban hành các Nghị quyết và Quyết định mang tính định hướng cho việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 của Công ty.

IV. Phương hướng hoạt động năm 2025:

1. Tiếp tục giám sát hoạt động của HĐQT, Ban Điều hành trong quản lý và điều hành hoạt động kinh doanh theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ và các quy định liên quan khác của Luật doanh nghiệp và pháp luật Nhà nước.
2. Kiểm soát hoạt động của Công ty, HĐQT theo chức năng nhiệm vụ của BKS.
3. Tiếp tục tham gia hiệu chỉnh các quy chế, qui định Công ty theo Luật định hiện hành.
4. Căn cứ kết quả kinh doanh, thực hiện kiểm soát định kỳ tháng/quý/năm hoặc đột xuất nhằm đề xuất giải pháp phòng ngừa rủi ro, đảm bảo Công ty hoạt động theo đúng pháp luật và quy định của Công ty.

Ban Kiểm soát kính trình Đại Hội đồng Cổ đông báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2024 và kế hoạch hoạt động năm 2025 đến các năm tiếp theo.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- Lưu BKS;
- Lưu HĐQT.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**


Nguyễn Phước Thoại

Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận 0300584564 ngày 24 tháng 7 năm 2017
Đăng ký Doanh nghiệp số 0300584564 ngày 8 tháng 11 năm 2023

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0300584564 ngày 8 tháng 11 năm 2023. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

| | | |
|--------------------------------------|--|----------------|
| Hội đồng Quản trị | Ông Tan Teck Chuan Lester | Chủ tịch |
| | Ông Trần Đức Hòa | Thành viên |
| | Ông Đặng Trung Kiên | Thành viên |
| | Ông Phạm Tấn Lợi | Thành viên |
| | Ông Lê Tuấn | Thành viên |
| Ban Kiểm soát | Ông Nguyễn Phước Thoại | Trưởng ban |
| | Ông Nguyễn Hoàng Hiệp | Thành viên |
| | Bà Nguyễn Thị Ngọc Dung | Thành viên |
| Ban Giám đốc | Ông Phạm Tấn Lợi | Giám đốc |
| | Bà Nguyễn Thúy Phượng | Kế toán trưởng |
| Người đại diện theo pháp luật | Ông Tan Teck Chuan Lester | Chủ tịch |
| | Ông Phạm Tấn Lợi | Giám đốc |
| Trụ sở đăng ký | Số 606, Đường Võ Văn Kiệt Phường Cầu Kho, Quận 1 Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam | |
| Công ty kiểm toán | Công ty TNHH KPMG Việt Nam | |

Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương **Báo cáo của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 49 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, với sự hỗ trợ liên tục từ công ty mẹ, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc



TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2025



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 31 tháng 3 năm 2025, được trình bày từ trang 5 đến trang 49.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.





Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 24-01-00465-25-1



Triệu Tích Quyền
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 4629-2023-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Nelson Rodriguez Casihan
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 2225-2023-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2025



Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

| | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2024 VND | 1/1/2024 VND |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| TÀI SẢN | | | | |
| Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 140 + 150) | 100 | | 130.211.636.337 | 148.234.747.065 |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | 5 | 65.872.295.390 | 105.381.973.891 |
| Tiền | 111 | | 15.872.295.390 | 25.381.973.891 |
| Các khoản tương đương tiền | 112 | | 50.000.000.000 | 80.000.000.000 |
| Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 7.038.215.450 | 5.502.460.456 |
| Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | 6 | 8.041.275.144 | 6.628.368.650 |
| Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | | 342.617.853 | 179.110.665 |
| Phải thu ngắn hạn khác | 136 | | 717.414.776 | 529.612.014 |
| Dự phòng phải thu khó đòi | 137 | 7 | (2.063.092.323) | (1.834.630.873) |
| Hàng tồn kho | 140 | 8(a) | 40.854.156.051 | 19.683.199.606 |
| Hàng tồn kho | 141 | | 41.811.889.154 | 21.246.091.994 |
| Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | (957.733.103) | (1.562.892.388) |
| Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 16.446.969.446 | 17.667.113.112 |
| Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | | 751.515.340 | 1.087.853.592 |
| Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 152 | | 15.442.003.290 | 16.579.259.520 |
| Thuế phải thu Nhà nước | 153 | | 253.450.816 | - |

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

| | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2024 VND | 1/1/2024 VND |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260) | 200 | | 516.921.702.765 | 539.424.006.916 |
| Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | 7.001.000.000 | 7.005.000.000 |
| Phải thu dài hạn khác | 216 | 9 | 7.001.000.000 | 7.005.000.000 |
| Tài sản cố định | 220 | | 201.907.434.402 | 212.899.031.951 |
| Tài sản cố định hữu hình | 221 | 10 | 50.121.069.803 | 55.867.783.528 |
| Nguyên giá | 222 | | 114.990.874.725 | 119.166.689.159 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (64.869.804.922) | (63.298.905.631) |
| Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính | 224 | 11 | 151.786.364.599 | 157.031.248.423 |
| Nguyên giá | 225 | | 173.582.726.065 | 173.582.726.065 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | 226 | | (21.796.361.466) | (16.551.477.642) |
| Tài sản cố định vô hình | 227 | 12 | - | - |
| Nguyên giá | 228 | | 1.300.192.426 | 1.300.192.426 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | (1.300.192.426) | (1.300.192.426) |
| Bất động sản đầu tư | 230 | 13 | 241.306.813.811 | 251.574.371.963 |
| Nguyên giá | 231 | | 257.975.775.291 | 257.975.775.291 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | 232 | | (16.668.961.480) | (6.401.403.328) |
| Tài sản dở dang dài hạn | 240 | 14 | 2.240.671.822 | 972.859.822 |
| Xây dựng cơ bản dở dang | 242 | | 2.240.671.822 | 972.859.822 |
| Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | 6.500.000.000 | 6.500.000.000 |
| Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | 15 | 6.500.000.000 | 6.500.000.000 |
| Tài sản dài hạn khác | 260 | | 57.965.782.730 | 60.472.743.180 |
| Chi phí trả trước dài hạn | 261 | 16 | 52.935.359.736 | 54.851.683.857 |
| Tài sản thuê thu nhập hoãn lại | 262 | | 4.951.513.114 | 3.866.761.507 |
| Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn | 263 | 8(b) | 78.909.880 | 1.754.297.816 |
| TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200) | 270 | | 647.133.339.102 | 687.658.753.981 |

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

| | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2024 VND | 1/1/2024 VND |
|--|------------|-------------|-------------------------|-------------------------|
| NGUỒN VỐN | | | | |
| NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330) | 300 | | 724.451.205.799 | 699.391.878.591 |
| Nợ ngắn hạn | 310 | | 546.504.274.414 | 521.371.748.436 |
| Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | 17 | 41.937.356.637 | 21.464.318.968 |
| Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | | 211.212.827 | 508.340.338 |
| Thuế phải nộp Nhà nước | 313 | 18 | 43.152.777 | 9.553.484.210 |
| Phải trả người lao động | 314 | | 3.328.932.871 | 3.979.201.474 |
| Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | 19 | 37.125.954.790 | 45.511.202.182 |
| Phải trả ngắn hạn khác | 319 | 20(a) | 748.323.821 | 1.644.472.755 |
| Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | 21(a) | 463.103.690.557 | 438.705.078.375 |
| Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | 22 | 5.650.134 | 5.650.134 |
| Nợ dài hạn | 330 | | 177.946.931.385 | 178.020.130.155 |
| Phải trả dài hạn khác | 337 | 20(b) | 5.307.070.229 | 3.418.779.000 |
| Nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | 21(b) | 169.444.430.406 | 170.828.414.155 |
| Dự phòng phải trả dài hạn | 342 | 23 | 3.195.430.750 | 3.772.937.000 |
| VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410) | 400 | | (77.317.866.697) | (11.733.124.610) |
| Vốn chủ sở hữu | 410 | 24 | (77.317.866.697) | (11.733.124.610) |
| Vốn cổ phần | 411 | 25 | 85.000.000.000 | 85.000.000.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 85.000.000.000 | 85.000.000.000 |
| Cổ phiếu quỹ | 415 | | (347.276.838) | (347.276.838) |
| Quỹ đầu tư phát triển | 418 | 26 | 104.569.834.944 | 104.569.834.944 |
| Lỗ lũy kế | 421 | | (266.540.424.803) | (200.955.682.716) |
| - Lỗ lũy kế đến cuối năm trước | 421a | | (200.955.682.716) | (81.703.737.872) |
| - Lỗ năm nay | 421b | | (65.584.742.087) | (119.251.944.844) |
| TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400) | 440 | | 647.133.339.102 | 687.658.753.981 |

Ngày 31 tháng 3 năm 2025

Người lập:

Người duyệt:

Bùi Thị Kim Chi
Kế toán

Nguyễn Thúy Phương
Kế toán trưởng



Phạm Tấn Lợi
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu B 02 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

| | Mã số | Thuyết minh | 2024 VND | 2023 VND |
|---|-----------|-------------|-------------------------|--------------------------|
| Doanh thu | 01 | 28 | 190.960.239.369 | 141.263.637.764 |
| Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | 28 | 7.681.891.554 | 14.985.687.629 |
| Doanh thu thuần (10 = 01 - 02) | 10 | 28 | 183.278.347.815 | 126.277.950.135 |
| Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp | 11 | 29 | 132.982.602.008 | 99.769.798.026 |
| Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11) | 20 | | 50.295.745.807 | 26.508.152.109 |
| Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | 30 | 2.994.014.832 | 1.407.554.384 |
| Chi phí tài chính | 22 | 31 | 40.530.053.743 | 21.613.217.427 |
| <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i> | 23 | | 40.520.889.937 | 21.518.753.020 |
| Chi phí bán hàng | 25 | 32 | 49.936.055.948 | 85.160.384.886 |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | 33 | 21.653.295.474 | 28.152.795.519 |
| Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)} | 30 | | (58.829.644.526) | (107.010.691.339) |
| Thu nhập khác | 31 | 34 | 2.790.281.219 | 2.418.007.551 |
| Chi phí khác | 32 | 35 | 10.630.130.387 | 9.079.424.775 |
| Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32) | 40 | | (7.839.849.168) | (6.661.417.224) |

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

| | Mã số | Thuyết minh | 2024 VND | 2023 VND |
|---|-----------|----------------|-------------------------|--------------------------|
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | | |
| Lỗ kế toán trước thuế | 01 | | (66.669.493.694) | (113.672.108.563) |
| Điều chỉnh cho các khoản | | | | |
| Khấu hao và phân bổ | 02 | | 21.324.155.701 | 16.640.481.564 |
| Các khoản dự phòng | 03 | | 787.454.756 | 1.426.783.337 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04 | | (4.896.154) | (541.876) |
| Lãi từ hoạt động đầu tư | 05 | | (3.842.197.153) | (1.316.691.743) |
| Chi phí lãi vay | 06 | | 40.520.889.937 | 21.518.753.020 |
| | | | <hr/> | <hr/> |
| Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động | 08 | | (7.884.086.607) | (75.403.324.261) |
| Biến động các khoản phải thu | 09 | | (826.164.455) | 26.719.715.080 |
| Biến động hàng tồn kho | 10 | | (20.054.561.815) | 2.958.493.436 |
| Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác | 11 | | 18.338.221.037 | (5.519.310.048) |
| Biến động chi phí trả trước | 12 | | 2.252.662.373 | 879.328.231 |
| | | | <hr/> | <hr/> |
| | | | (8.173.929.467) | (50.365.097.562) |
| Tiền lãi vay từ các khoản vay đã trả | 14 | | - | (2.999.300.285) |
| Tiền lãi vay từ thuê tài chính đã trả | 14 | | (16.158.150.632) | (15.121.254.067) |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | | (6.067.553.221) | - |
| Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 17 | | (577.506.250) | (1.617.206.250) |
| | | | <hr/> | <hr/> |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | (30.977.139.570) | (70.102.858.164) |
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | | |
| Tiền chi mua tài sản cố định và quyền sử dụng đất | 21 | | (11.099.989.481) | (85.164.165.037) |
| Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định | 22 | | 895.436.818 | - |
| Tiền chi gửi tiền gửi có kỳ hạn | 23 | | (40.000.000.000) | - |
| Tiền thu hồi gửi tiền gửi có kỳ hạn | 24 | | 40.000.000.000 | - |
| Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức | 27 | | 2.896.513.760 | 1.316.691.743 |
| | | | <hr/> | <hr/> |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | (7.308.038.903) | (83.847.473.294) |

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

| | Mã số | Thuyết minh | 2024 VND | 2023 VND |
|--|-----------|-------------|-------------------------|------------------------|
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | | |
| Tiền thu từ đi vay | 33 | | - | 491.954.493.611 |
| Tiền chi trả nợ gốc vay và nợ gốc thuê tài chính | 34 | | (1.229.396.182) | (260.477.030.906) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | | (1.229.396.182) | 231.477.462.705 |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40) | 50 | | (39.514.574.655) | 77.527.131.247 |
| Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm | 60 | | 105.381.973.891 | 27.854.020.675 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ đối với tiền | 61 | | 4.896.154 | 821.969 |
| Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61) | 70 | 5 | 65.872.295.390 | 105.381.973.891 |

Ngày 31 tháng 3 năm 2025

Người lập:



Bùi Thị Kim Chi
Kế toán

Người duyệt:



Nguyễn Thúy Phương
Kế toán trưởng



Phạm Tân Lợi
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Công ty được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước thành công ty cổ phần theo Quyết định số 242/2003/QĐ-BCN ngày 30 tháng 12 năm 2003 của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương).

Ngày 25 tháng 12 năm 2006, cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép Niêm yết số 71/2006/GCNCP-CNTTLK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 21 tháng 12 năm 2006 với mã giao dịch là SCD.

Ngày 5 tháng 4 năm 2024, theo Quyết định số 180/QĐ-SGDHCM của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, cổ phiếu của Công ty bị hủy niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh có hiệu lực từ ngày 6 tháng 5 năm 2024.

Ngày 15 tháng 5 năm 2024, cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên sàn UPCOM của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 462/QĐ-SGDHN ngày 8 tháng 5 năm 2024 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã giao dịch là SCD.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất, mua bán đồ uống; sản xuất kinh doanh nguyên vật liệu, bao bì, thiết bị, công nghệ ngành sản xuất đồ uống; xây dựng và cung cấp kho bãi cho thuê.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có 193 nhân viên (1/1/2024: 203 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Giả định hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục. Lỗ thuần sau thuế trong năm của Công ty là 65.585 triệu VND, lưu chuyển tiền thuần âm từ hoạt động kinh doanh của Công ty là 30.977 triệu VND (2023: lần lượt là 119.252 triệu VND và 70.103 triệu VND). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn là 416.293 triệu VND và tổng nợ phải trả vượt quá tổng tài sản là 77.318 triệu VND (1/1/2024: lần lượt là 373.137 triệu VND và 11.733 triệu VND). Hơn nữa, Công ty có các khoản vay đáng kể cần tái tài trợ trong vòng 12 tháng kế tiếp (Thuyết minh 21(a)). Giá trị của giả định hoạt động liên tục sử dụng trong việc lập báo cáo tài chính này cơ bản tùy thuộc vào việc công ty mẹ tiếp tục cung cấp các hỗ trợ tài chính cần thiết nhằm giúp Công ty có thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn và duy trì sự tồn tại và hoạt động liên tục của Công ty trong một tương lai có thể dự kiến trước được.

Tại thời điểm lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc tin rằng công ty mẹ sẽ không tiếp tục sự hỗ trợ của họ.

(d) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(e) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(d) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(e) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- | | |
|--------------------------|------------|
| ▪ nhà cửa, vật kiến trúc | 2 – 23 năm |
| ▪ máy móc và thiết bị | 2 – 15 năm |
| ▪ phương tiện vận chuyển | 2 – 8 năm |
| ▪ thiết bị văn phòng | 3 – 7 năm |

Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(f) Tài sản cố định vô hình

(i) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 3 đến 5 năm.

(ii) Nhãn hiệu hàng hóa

Nhãn hiệu hàng hóa được ghi nhận theo giá gốc và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 8 năm.

(g) Bất động sản đầu tư

(i) Bất động sản đầu tư cho thuê

Nguyên giá

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Giám đốc. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- nhà cửa, vật kiến trúc 25 năm

(ii) Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được phản ánh theo giá gốc trừ đi các khoản giảm giá trị theo giá thị trường. Giá trị ghi sổ của bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá sẽ được ghi giảm nếu có bằng chứng cho thấy giá thị trường của bất động sản đầu tư giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của bất động sản này và giá trị khoản tồn thất có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Khoản ghi giảm giá trị của bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được tính vào giá vốn hàng bán.

Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(i) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn chủ sở hữu của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(j) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo các quy định pháp luật hiện hành, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất là 35 năm.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh thông thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(k) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(l) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Công ty và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

(m) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Phần tiền thu được từ việc phát hành cổ phiếu vượt quá mệnh giá được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Các chi phí tăng thêm liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng của thuế, được ghi nhận là một khoản giảm trừ vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)

Cổ phiếu quỹ chỉ được ghi nhận đối với việc mua lại các cổ phiếu lẻ phát sinh khi Công ty phát hành cổ phiếu để trả cổ tức hoặc phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu theo phương án đã được thông qua, hoặc mua lại cổ phiếu lẻ theo yêu cầu của cổ đông. Trong tất cả các trường hợp khác, khi mua lại cổ phiếu mà trước đó đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, mệnh giá của các cổ phiếu mua lại phải được ghi giảm trừ vào vốn cổ phần. Chênh lệch giữa mệnh giá của cổ phiếu mua lại và giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

(n) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(o) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(iii) Thu nhập từ tiền lãi

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iv) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(p) Thuê tài sản

(i) Tài sản thuê

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Công ty, với tư cách là bên thuê, đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Tài sản cố định hữu hình dưới hình thức thuê tài chính được thể hiện bằng số tiền tương đương với số thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cố định và giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu, tính tại thời điểm bắt đầu thuê, trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Khấu hao của tài sản thuê tài chính được hạch toán theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian ngắn hơn giữa thời hạn thuê và thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính trừ khi chắc chắn là Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê. Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính nhất quán với tài sản cố định hữu hình được thuyết minh trong phần chính sách kế toán 3(e).

Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các tài sản thuê theo các hợp đồng thuê khác được phân loại là thuê hoạt động và không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán của Công ty.

(ii) Các khoản thanh toán tiền thuê

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê trong suốt thời hạn thuê.

Các khoản thanh toán tiền thuê tài sản thuê tài chính được chia tách thành chi phí tài chính và khoản trả nợ gốc. Chi phí tài chính phải được tính theo từng kỳ kế toán năm trong suốt thời hạn thuê để đạt tới một tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại.

(q) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(r) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm kế toán) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

Công ty không có các cổ phiếu có tác động suy giảm tiềm năng và do đó không trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu.

(s) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(t) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là bên liên quan.



Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(u) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm trước.

4. Báo cáo bộ phận

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm nước giải khát. Hoạt động khác là nắm giữ bất động sản đầu tư chờ tăng giá và cung cấp dịch vụ cho thuê kho bãi.

Các mảng kinh doanh của Công ty như sau:

| 2024 | Nước giải khát VND | Thuê VND | Tổng VND |
|--|-----------------------|-----------------|-------------------|
| Tổng doanh thu bộ phận thuần | 160.665.015.254 | 22.613.332.561 | 183.278.347.815 |
| Giá vốn hàng bán bộ phận | (123.057.612.631) | (9.924.989.377) | (132.982.602.008) |
| Chi phí bán hàng bộ phận | (49.936.055.948) | - | (49.936.055.948) |
| (Lỗ)/lợi nhuận gộp của bộ phận | (12.328.653.325) | 12.688.343.184 | 359.689.859 |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp không phân bổ | | | (21.653.295.474) |
| Doanh thu từ hoạt động tài chính không phân bổ | | | 2.994.014.832 |
| Chi phí tài chính không phân bổ | | | (40.530.053.743) |
| Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh | | | (58.829.644.526) |
| Kết quả từ các hoạt động khác | | | (7.839.849.168) |
| Chi phí thuế thu nhập | | | 1.084.751.607 |
| Lãi thuần sau thuế | | | (65.584.742.087) |

Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

| Ngày 31 tháng 12 năm 2024 | Nước giải khát VND | Thuê VND | Tổng VND |
|---|-------------------------------|-----------------------|--------------------------|
| Tài sản của bộ phận | | | |
| Phải thu của khách hàng | 2.294.893.004 | 3.683.289.817 | 5.978.182.821 |
| Hàng tồn kho, công cụ, dụng cụ và phụ tùng thay thế | 40.933.065.931 | - | 40.933.065.931 |
| Phải thu dài hạn khác | 7.001.000.000 | - | 7.001.000.000 |
| Tài sản cố định | 201.907.434.402 | - | 201.907.434.402 |
| Bất động sản đầu tư | - | 238.898.563.811 | 238.898.563.811 |
| Chi phí phải trả dài hạn | 962.812.149 | 51.972.547.587 | 52.935.359.736 |
| Tài sản không phân bổ | | | 99.479.732.401 |
| Tổng tài sản | | | 647.133.339.102 |
| Nợ phải trả của bộ phận | | | |
| Phải trả người bán | 32.247.856.637 | 9.689.500.000 | 41.937.356.637 |
| Trả trước của khách hàng | 211.212.827 | - | 211.212.827 |
| Chi phí phải trả | 5.489.507.515 | 27.837.235.261 | 33.326.742.776 |
| Nợ thuê tài chính ngắn hạn | 1.383.983.750 | - | 1.383.983.750 |
| Nợ thuê tài chính dài hạn | 169.444.430.406 | - | 169.444.430.406 |
| Phải trả ngắn hạn khác | 488.102.000 | - | 488.102.000 |
| Phải trả dài hạn khác | 20.000.000 | 5.287.070.229 | 5.307.070.229 |
| Nợ phải trả không phân bổ | | | 472.352.307.174 |
| Tổng nợ phải trả | | | 724.451.205.799 |
| 2023 | Nước giải khát VND | Thuê VND | Tổng VND |
| Tổng doanh thu bộ phận thuần | 109.594.926.337 | 16.683.023.798 | 126.277.950.135 |
| Giá vốn hàng bán bộ phận | (95.803.258.228) | (3.966.539.798) | (99.769.798.026) |
| Chi phí bán hàng bộ phận | (85.160.384.886) | - | (85.160.384.886) |
| (Lỗ)/lợi nhuận gộp của bộ phận | (71.368.716.777) | 12.716.484.000 | (58.652.232.777) |
| Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp không phân bổ | | | (28.152.795.519) |
| Doanh thu từ hoạt động tài chính không phân bổ | | | 1,407,554,384 |
| Chi phí tài chính không phân bổ | | | (21.613.217.427) |
| Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh | | | (107.010.691.339) |
| Kết quả từ các hoạt động khác | | | (6.661.417.224) |
| Chi phí thuế thu nhập | | | (5.579.836.281) |
| Lỗ thuần sau thuế | | | (119.251.944.844) |

Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

| Ngày 31 tháng 12 năm 2023 | Nước giải khát VND | Thuê VND | Tổng VND |
|---|-----------------------|-----------------|------------------------|
| Tài sản của bộ phận | | | |
| Phải thu của khách hàng | 4.793.737.777 | - | 4.793.737.777 |
| Hàng tồn kho và thiết bị, vật tư và phụ tùng thay thế dài hạn | 21.437.497.422 | - | 21.437.497.422 |
| Phải thu dài hạn khác | 7.005.000.000 | - | 7.005.000.000 |
| Tài sản cố định | 212.899.031.951 | - | 212.899.031.951 |
| Bất động sản đầu tư | - | 249.166.121.963 | 249.166.121.963 |
| Chi phí phải trả dài hạn | 1.229.214.126 | 53.622.469.731 | 54.851.683.857 |
| Tài sản không phân bổ | | | 137.505.681.011 |
| Tổng tài sản | | | 687.658.753.981 |
| Nợ phải trả của bộ phận | | | |
| Phải trả người bán | 11.774.818.968 | 9.689.500.000 | 21.464.318.968 |
| Trả trước của khách hàng | 508.340.338 | - | 508.340.338 |
| Chi phí phải trả | 3.431.962.556 | 38.398.742.302 | 41.830.704.858 |
| Nợ thuê tài chính ngắn hạn | 1.229.396.182 | - | 1.229.396.182 |
| Nợ thuê tài chính dài hạn | 170.828.414.155 | - | 170.828.414.155 |
| Phải trả ngắn hạn khác | 530.774.000 | 825.686.400 | 1.356.460.400 |
| Phải trả dài hạn khác | 20.000.000 | 3.398.779.000 | 3.418.779.000 |
| Nợ phải trả không phân bổ | | | 458.755.464.690 |
| Tổng nợ phải trả | | | 699.391.878.591 |

Về mặt địa lý, Công ty chỉ hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

| | 31/12/2024 VND | 1/1/2024 VND |
|----------------------------|-----------------------|------------------------|
| Tiền mặt | 41.120.731 | 44.065.163 |
| Tiền gửi ngân hàng | 15.831.174.659 | 25.337.908.728 |
| Các khoản tương đương tiền | 50.000.000.000 | 80.000.000.000 |
| | 65.872.295.390 | 105.381.973.891 |

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với kỳ hạn gốc không quá ba tháng kể từ ngày gửi.

Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

(a) Phải thu khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn

| | 31/12/2024 | 1/1/2024 |
|--|-------------------|-----------------|
| | VND | VND |
| Công ty TNHH Lốp Kumho Việt Nam | 2.971.947.115 | 350.860 |
| Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn | 615.988.069 | 1.047.621.104 |
| Hộ Kinh doanh Khánh Ngọc | - | 121.497.265 |
| Các khách hàng khác | 4.453.339.960 | 5.458.899.421 |
| | <hr/> | |
| | 8.041.275.144 | 6.628.368.650 |
| | <hr/> | |

(b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan

| | 31/12/2024 | 1/1/2024 |
|---|-------------------|-----------------|
| | VND | VND |
| Công ty mẹ | | |
| Tổng Công ty Bia – Rượu – Nước giải khát Sài Gòn | 615.988.069 | 1.047.621.104 |
| Các công ty liên quan khác | | |
| Công ty TNHH MM Mega Market (Việt Nam) | 240.389.650 | 203.462.981 |
| Công ty TNHH Trung tâm Mê Linh | 2.745.850 | 1.719.360 |
| Công ty TNHH Lon nước giải khát TBC-Ball Việt Nam | - | 592.810.727 |
| F&N Global Marketing Pte. Ltd | - | 126.919.035 |
| Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Trung tâm | - | 5.684.727 |
| | <hr/> | |

Khoản phải thu thương mại từ công ty mẹ và các công ty liên quan khác không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thời hạn thu hồi từ 10 ngày đến 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

7. Dự phòng phải thu khó đòi

| | Số ngày quá hạn | 31/12/2024 | | | 1/1/2024 | | | Giá trị có thể thu hồi VND |
|--|--------------------|----------------------|------------------------|----------------------------------|----------------------|------------------------|-------------------------------------|-------------------------------------|
| | | Giá gốc VND | Dự phòng VND | Giá trị có thể thu hồi VND | Giá gốc VND | Dự phòng VND | Giá trị có thể thu hồi VND | |
| Nợ quá hạn | | | | | | | | |
| Công ty TNHH Một Thành Viên Thạch Thuận Thành | Trên 3 năm | 250.657.220 | (250.657.220) | - | 250.657.220 | (250.657.220) | - | |
| Bà Nguyễn Thị Kim Loan | Trên 3 năm | 322.620.177 | (322.620.177) | - | 322.620.177 | (322.620.177) | - | |
| Ông Lý Hoàng Phi | Trên 3 năm | 155.999.833 | (155.999.833) | - | 155.999.833 | (155.999.833) | - | |
| | Từ 1 năm | | | | | | | |
| Công ty Cổ phần Song Mã Việt | đến 2 năm | 228.461.450 | (228.461.450) | - | - | - | - | |
| Các khách hàng khác | Trên 3 năm | 1.105.353.643 | (1.105.353.643) | - | 1.105.353.643 | (1.105.353.643) | - | |
| | | 2.063.092.323 | (2.063.092.323) | - | 1.834.630.873 | (1.834.630.873) | - | |



Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

8. Hàng tồn kho

(a) Hàng tồn kho

| | 31/12/2024 | | 1/1/2024 | |
|--------------------|-----------------------|----------------------|-----------------------|------------------------|
| | Giá gốc VND | Dự phòng VND | Giá gốc VND | Dự phòng VND |
| Nguyên vật liệu | 15.972.626.511 | (122.161.161) | 7.898.130.730 | (1.023.039.241) |
| Công cụ và dụng cụ | 1.900.253.649 | (835.571.942) | 1.832.580.983 | (87.599.429) |
| Thành phẩm | 23.939.008.994 | - | 11.316.748.045 | (310.783.061) |
| Hàng hóa | - | - | 198.632.236 | (141.470.657) |
| | 41.811.889.154 | (957.733.103) | 21.246.091.994 | (1.562.892.388) |

Bao gồm trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 958 triệu VND (1/1/2024: 1.203 triệu VND) hàng tồn kho chậm luân chuyển và khó bán.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, không có hàng tồn kho ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được (1/1/2024: 9.240 triệu VND).

Biến động của dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

| | 2024 VND | 2023 VND |
|------------------------------|--------------------|----------------------|
| Số dư đầu năm | 1.562.892.388 | 164.387.268 |
| Dự phòng trích lập trong năm | - | 1.398.505.120 |
| Dự phòng hoàn nhập trong năm | (605.159.285) | - |
| Số dư cuối năm | 957.733.103 | 1.562.892.388 |

(b) Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn

| | 31/12/2024 | | 1/1/2024 | |
|---|----------------|-----------------|----------------|-----------------|
| | Giá gốc VND | Dự phòng VND | Giá gốc VND | Dự phòng VND |
| Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn | 1.641.262.069 | (1.562.352.189) | 2.152.497.414 | (398.199.598) |

Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Biến động của dự phòng thiết bị, vật tư và phụ tùng thay thế dài hạn trong năm như sau:

| | 2024 VND | 2023 VND |
|------------------------------|---------------------------|---------------------------|
| Số dư đầu năm | 398.199.598 | 369.921.381 |
| Dự phòng trích lập trong năm | 1.595.864.356 | 28.278.217 |
| Dự phòng hoàn nhập trong năm | (431.711.765) | - |
| Số dư cuối năm | <u>1.562.352.189</u> | <u>398.199.598</u> |

9. Phải thu dài hạn khác

| | 31/12/2024 VND | 1/1/2024 VND |
|-----------------------------------|---------------------------------|-------------------------------|
| Đặt cọc để thuê nhà xưởng dài hạn | 7.000.000.000 | 7.000.000.000 |
| Đặt cọc khác | 1.000.000 | 5.000.000 |
| | <u>7.001.000.000</u> | <u>7.005.000.000</u> |

Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

10. Tài sản cố định hữu hình

| Nguyên giá | Nhà cửa, vật kiến trúc VND | Máy móc và thiết bị VND | Phương tiện vận chuyển VND | Thiết bị văn phòng VND | Tổng VND |
|-------------------------------|----------------------------------|-------------------------------|----------------------------------|------------------------------|-----------------|
| Số dư đầu năm | 8.913.958.699 | 96.732.357.461 | 12.288.731.576 | 1.231.641.423 | 119.166.689.159 |
| Tăng trong năm | - | 65.000.000 | - | - | 65.000.000 |
| Thanh lý | - | (187.521.000) | (4.053.293.434) | - | (4.240.814.434) |
| Số dư cuối năm | 8.913.958.699 | 96.609.836.461 | 8.235.438.142 | 1.231.641.423 | 114.990.874.725 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | | | | | |
| Số dư đầu năm | 7.907.158.946 | 44.303.824.488 | 10.479.532.607 | 608.389.590 | 63.298.905.631 |
| Khấu hao trong năm | 480.558.222 | 4.687.664.923 | 602.793.612 | 40.696.968 | 5.811.713.725 |
| Thanh lý | - | (187.521.000) | (4.053.293.434) | - | (4.240.814.434) |
| Số dư cuối năm | 8.387.717.168 | 48.803.968.411 | 7.029.032.785 | 649.086.558 | 64.869.804.922 |
| Giá trị còn lại | | | | | |
| Số dư đầu năm | 1.006.799.753 | 52.428.532.973 | 1.809.198.969 | 623.251.833 | 55.867.783.528 |
| Số dư cuối năm | 526.241.531 | 47.805.868.050 | 1.206.405.357 | 582.554.865 | 50.121.069.803 |

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 có các tài sản có nguyên giá là 46.904 triệu VND (1/1/2024: 50.278 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.



Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

11. Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính

| | Nhà cửa, vật kiến trúc VND |
|---------------------------------|---|
| Nguyên giá | |
| Số dư đầu năm và số dư cuối năm | 173.582.726.065 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | |
| Số dư đầu năm | 16.551.477.642 |
| Khấu hao trong năm | 5.244.883.824 |
| Số dư cuối năm | 21.796.361.466 |
| Giá trị còn lại | |
| Số dư đầu năm | 157.031.248.423 |
| Số dư cuối năm | 151.786.364.599 |

12. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình thể hiện phần mềm máy vi tính và nhãn hiệu hàng hóa đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 1 tháng 1 năm 2024 nhưng vẫn đang được sử dụng.

13. Bất động sản đầu tư

| | 31/12/2024 VND | 1/1/2024 VND |
|--|---------------------------|-------------------------|
| Bất động sản đầu tư cho thuê (a) | 238.898.563.811 | 249.166.121.963 |
| Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá (b) | 2.408.250.000 | 2.408.250.000 |
| | 241.306.813.811 | 251.574.371.963 |

Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(a) Bất động sản đầu tư cho thuê

| | Nhà cửa, vật kiến trúc VND |
|---------------------------------|---|
| Nguyên giá | |
| Số dư đầu năm và số dư cuối năm | 255.567.525.291 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | |
| Số dư đầu năm | 6.401.403.328 |
| Khấu hao trong năm | 10.267.558.152 |
| Số dư cuối năm | 16.668.961.480 |
| Giá trị còn lại | |
| Số dư đầu năm | 249.166.121.963 |
| Số dư cuối năm | 238.898.563.811 |

Bất động sản đầu tư của Công ty bao gồm nhà kho xây sẵn cho thuê tọa lạc tại Khu Công nghiệp Mỹ Phước 3, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.

(b) Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 1 tháng 1 năm 2024 thể hiện quyền sử dụng đất ở Khu Công nghiệp Mỹ Phước 3, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư cho thuê và các bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

14. Xây dựng cơ bản dở dang

| | 2024 VND | 2023 VND |
|--------------------------------------|----------------------|--------------------|
| Số dư đầu năm | 972.859.822 | 91.175.470.436 |
| Tăng trong năm | 1.267.812.000 | 60.965.879.441 |
| Chuyển từ chi phí trả trước dài hạn | - | 1.374.935.120 |
| Chuyển sang tài sản cố định hữu hình | - | (8.591.630.175) |
| Chuyển sang bất động sản đầu tư | - | (143.951.795.000) |
| Số dư cuối năm | 2.240.671.822 | 972.859.822 |

Trong năm, không có chi phí lãi vay được vốn hóa vào công trình xây dựng cơ bản dở dang (2023: 20.521 triệu VND).

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

| | 31/12/2024 VND | 1/1/2024 VND |
|----------------------------------|----------------------|--------------------|
| Hệ thống Bồn chứa Đường Fructose | 1.267.812.000 | - |
| Dự án nhà máy Củ Chi | 650.756.138 | 650.756.138 |
| Phí đăng ký nhãn hiệu | 107.331.429 | 107.331.429 |
| Các công trình khác | 214.772.255 | 214.772.255 |
| Tổng cộng | 2.240.671.822 | 972.859.822 |

15. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

| Tên công ty | Số lượng cổ phiếu | % sở hữu và quyền biểu quyết | 31/12/2024 và 1/1/2024 | | |
|---|----------------------|------------------------------------|------------------------|-----------------------|-----------------|
| | | | Giá gốc VND | Giá trị hợp lý VND | Dự phòng VND |
| Công ty cổ phần Bia - Nước giải khát Sài Gòn - Tây Đô | 1.105.000 | 5,525% | 6.500.000.000 | (*) | - |

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường của khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

16. Chi phí trả trước dài hạn

| | Chi phí đất trả trước VND | Công cụ và dụng cụ VND | Tổng VND |
|------------------------|--|---------------------------------------|-----------------------|
| Số dư đầu năm | 53.622.469.731 | 1.229.214.126 | 54.851.683.857 |
| Tăng trong năm | - | 174.923.455 | 174.923.455 |
| Chuyển từ hàng tồn kho | - | 234.059.894 | 234.059.894 |
| Phân bổ trong năm | (1.649.922.144) | (675.385.326) | (2.325.307.470) |
| Số dư cuối năm | 51.972.547.587 | 962.812.149 | 52.935.359.736 |

17. Phải trả người bán ngắn hạn

(a) Phải trả người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn

| | Giá gốc/Số có khả năng trả nợ 31/12/2024 VND | 1/1/2024 VND |
|---|---|-------------------------|
| Công ty TNHH Lon nước Giải khát TBC-Ball Việt Nam | 19.283.348.943 | - |
| Công ty Cổ phần Xây dựng Số 1 | 9.689.500.000 | 9.689.500.000 |
| Công ty Liên Doanh TNHH Crown Sài Gòn | - | 5.576.256.466 |
| Các nhà cung cấp khác | 12.964.507.694 | 6.198.562.502 |
| | 41.937.356.637 | 21.464.318.968 |

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

| | Giá gốc/Số có khả năng trả nợ 31/12/2024 VND | 1/1/2024 VND |
|--|---|-------------------------|
| Công ty TNHH Lon nước Giải khát TBC-Ball Việt Nam | 19.283.348.943 | - |
| Công ty TNHH Một thành viên Cơ khí Sa Be Co | 794.329.560 | - |
| Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây | 68.860.000 | - |
| Công ty TNHH MM Mega Market (Việt Nam) | 22.110.596 | 311.999 |
| Công ty Liên Doanh TNHH Crown Sài Gòn | - | 5.576.256.466 |
| Chi nhánh Tổng CTCP Bia – Rượu – Nước giải khát Sài Gòn – Nhà máy Bia Sài Gòn Củ Chi | - | 46.913.580 |

Khoản phải trả thương mại cho các bên liên quan không có bảo đảm, không chịu lãi và phải hoàn trả khi được yêu cầu.

Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

18. Thuế phải nộp Nhà nước

| | 1/1/2024 VND | Số phát sinh trong năm VND | Số đã nộp trong năm VND | Số còn trừ/hoàn trả trong năm VND | Phân loại lại sang thuế phải thu VND | 31/12/2024 VND |
|----------------------------|-----------------|----------------------------------|-------------------------------|---|--|-------------------|
| Thuế giá trị gia tăng | - | 15.947.457.714 | (300.301.768) | (15.647.155.946) | - | - |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 5.840.404.177 | - | (6.067.553.221) | - | 227.149.044 | - |
| Thuế thu nhập cá nhân | 40.813.239 | 1.403.378.064 | (1.417.779.764) | (52.713.311) | 26.301.772 | - |
| Thuế nhà đất | 176.012.928 | 30.588.702.424 | (30.764.715.352) | - | - | - |
| Thuế khác | 3.496.253.866 | 376.270.875 | (3.829.371.964) | - | - | 43.152.777 |
| | 9.553.484.210 | 48.315.809.077 | (42.379.722.069) | (15.699.869.257) | 253.450.816 | 43.152.777 |



Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

19. Chi phí phải trả ngắn hạn

| | 31/12/2024 | 1/1/2024 |
|---------------------------------|-------------------|-----------------|
| | VND | VND |
| Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 27.837.235.261 | 38.398.742.302 |
| Chi phí lãi vay | 3.799.212.014 | 3.680.497.324 |
| Chi phí quảng cáo và khuyến mãi | 2.462.392.737 | 1.406.903.261 |
| Chi phí vận chuyển và bốc dỡ | 692.327.353 | 431.181.828 |
| Chi phí phải trả khác | 2.334.787.425 | 1.593.877.467 |
| | 37.125.954.790 | 45.511.202.182 |
| | 37.125.954.790 | 45.511.202.182 |

20. Phải trả khác

(a) Phải trả ngắn hạn khác

| | 31/12/2024 | 1/1/2024 |
|-------------------------|-------------------|-----------------|
| | VND | VND |
| Nhận ký quỹ ngắn hạn | 488.102.000 | 1.356.460.400 |
| Cổ tức phải trả | 241.910.549 | 241.910.549 |
| Các khoản phải trả khác | 18.311.272 | 46.101.806 |
| | 748.323.821 | 1.644.472.755 |
| | 748.323.821 | 1.644.472.755 |

(b) Phải trả dài hạn khác

| | 31/12/2024 | 1/1/2024 |
|---------------------|-------------------|-----------------|
| | VND | VND |
| Nhận ký quỹ dài hạn | 5.307.070.229 | 3.418.779.000 |
| | 5.307.070.229 | 3.418.779.000 |
| | 5.307.070.229 | 3.418.779.000 |

Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

21. Vay và nợ thuê tài chính

(a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

| | 1/1/2024 | | Biến động trong năm | | 31/12/2024 | |
|---|--|----------------|---------------------|--|------------|--|
| | Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND | Tăng VND | Hoàn trả VND | Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND | | |
| Vay ngắn hạn | 437.475.682.192 | 24.244.024.615 | - | 461.719.706.807 | | |
| Nợ gốc thuê tài chính đến hạn trả trong vòng 12 tháng | 1.229.396.183 | 1.383.983.749 | (1.229.396.182) | 1.383.983.750 | | |
| | 438.705.078.375 | 25.628.008.364 | (1.229.396.182) | 463.103.690.557 | | |

Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

| | Tiền tệ | Lãi suất năm | 31/12/2024 VND | 1/1/2024 VND |
|---|--------------------|-------------------------|---------------------------|-------------------------|
| Tổng Công ty Bia – Rượu – Nước giải khát Sài Gòn, công ty mẹ | VND | 5% - 5,8% | 461.719.706.807 | 437.475.682.192 |

Các khoản vay này không được bảo đảm.

(b) Nợ thuê tài chính

| | 31/12/2024 VND | 1/1/2024 VND |
|---------------------------------------|---------------------------|-------------------------|
| Nợ thuê tài chính | 170.828.414.156 | 172.057.810.338 |
| Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng | (1.383.983.750) | (1.229.396.183) |
| Khoản đến hạn trả sau 12 tháng | 169.444.430.406 | 170.828.414.155 |

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê tài chính không thể hủy ngang như sau:

| Ngày 31 tháng 12 năm 2024 | Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính VND | Tiền lãi thuê VND | Nợ gốc VND |
|----------------------------------|--|------------------------------|-----------------------|
| Trong vòng 1 năm | 16.101.530.820 | 14.717.547.070 | 1.383.983.750 |
| Trong vòng hai đến năm năm | 64.406.123.280 | 57.553.643.777 | 6.852.479.503 |
| Sau năm năm | 386.436.739.680 | 223.844.788.777 | 162.591.950.903 |
| | 466.944.393.780 | 296.115.979.624 | 170.828.414.156 |
| Ngày 1 tháng 1 năm 2024 | Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính VND | Tiền lãi thuê VND | Nợ gốc VND |
| Trong vòng 1 năm | 16.101.530.820 | 14.872.134.637 | 1.229.396.183 |
| Trong vòng hai đến năm năm | 64.406.123.280 | 58.119.444.837 | 6.286.678.443 |
| Sau năm năm | 402.538.270.500 | 237.996.534.788 | 164.541.735.712 |
| | 483.045.924.600 | 310.988.114.262 | 172.057.810.338 |

Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

22. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty.

23. Dự phòng phải trả dài hạn

Dự phòng phải trả dài hạn phản ánh dự phòng trợ cấp thôi việc. Biến động của dự phòng trợ cấp thôi việc trong năm như sau:

| | 2024 | 2023 |
|------------------------------|----------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| Số dư đầu năm | 3.772.937.000 | 5.396.705.750 |
| Dự phòng hoàn nhập trong năm | - | (6.562.500) |
| Dự phòng sử dụng trong năm | (577.506.250) | (1.617.206.250) |
| Số dư cuối năm | <u>3.195.430.750</u> | <u>3.772.937.000</u> |

Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

24. Thay đổi vốn chủ sở hữu

| | Vốn cổ phần VND | Cổ phiếu quỹ VND | Quỹ đầu tư phát triển VND | Lỗ lũy kế VND | Tổng VND |
|--|--------------------|---------------------|---------------------------------|-------------------|-------------------|
| Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2023 | 85.000.000.000 | (347.276.838) | 104.569.834.944 | (81.703.737.872) | 107.518.820.234 |
| Lỗ thuần trong năm | - | - | - | (119.251.944.844) | (119.251.944.844) |
| Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2024 | 85.000.000.000 | (347.276.838) | 104.569.834.944 | (200.955.682.716) | (11.733.124.610) |
| Lỗ thuần trong năm | - | - | - | (65.584.742.087) | (65.584.742.087) |
| Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 | 85.000.000.000 | (347.276.838) | 104.569.834.944 | (266.540.424.803) | (77.317.866.697) |

Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

25. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

| | 31/12/2024 | | 1/1/2024 | |
|---|-------------|----------------|-------------|----------------|
| | Số cổ phiếu | VND | Số cổ phiếu | VND |
| Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành | | | | |
| Cổ phiếu phổ thông | 8.500.000 | 85.000.000.000 | 8.500.000 | 85.000.000.000 |
| Cổ phiếu quỹ | | | | |
| Cổ phiếu phổ thông | 22.360 | 347.276.838 | 22.360 | 347.276.838 |
| Số cổ phiếu đang lưu hành | | | | |
| Cổ phiếu phổ thông | 8.477.640 | 84.776.400.000 | 8.477.640 | 84.776.400.000 |

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

26. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

27. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

| | 31/12/2024 VND | 1/1/2024 VND |
|--------------------|-------------------|-----------------|
| Trong vòng một năm | 517.194.000 | 517.194.000 |
| Từ hai đến năm năm | 2.068.776.000 | 2.068.776.000 |
| Sau năm năm | 13.288.341.000 | 13.805.535.000 |
| | 15.874.311.000 | 16.391.505.000 |

(b) Hàng hóa nhận giữ hộ bên thứ ba

| | | 31/12/2024 | | 1/1/2024 | |
|----------------|-----|------------|---------------|----------|---------------|
| | | Đơn vị | Số lượng | VND | Số lượng |
| Nước giải khát | Lít | 372.458 | 7.034.012.673 | 133.414 | 2.447.580.126 |
| | | | 7.034.012.673 | | 2.447.580.126 |

(c) Ngoại tệ các loại

| | 31/12/2024 | | 1/1/2024 | |
|-------|------------|-----------------|-----------|-----------------|
| | Nguyên tệ | Tương đương VND | Nguyên tệ | Tương đương VND |
| ▪ USD | 668 | 16.891.859 | 414 | 9.988.968 |
| ▪ EUR | 485 | 12.639.361 | 485 | 12.838.700 |
| | | 29.531.220 | | 22.827.668 |

Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***28. Doanh thu**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng đã bán và cho thuê kho, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

| | 2024 VND | 2023 VND |
|-------------------------------------|---------------------------|---------------------------|
| Tổng doanh thu | | |
| ▪ Bán thành phẩm | 167.144.018.832 | 124.024.533.105 |
| ▪ Cung cấp dịch vụ cho thuê | 22.613.332.561 | 16.683.023.798 |
| ▪ Doanh thu khác | 1.202.887.976 | 556.080.861 |
| | <hr/> 190.960.239.369 | <hr/> 141.263.637.764 |
| Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu | | |
| ▪ Chiết khấu thương mại | 7.681.891.554 | 14.985.687.629 |
| | <hr/> 183.278.347.815 | <hr/> 126.277.950.135 |

29. Giá vốn hàng bán

| | 2024 VND | 2023 VND |
|---------------------------|---------------------------|---------------------------|
| Thành phẩm đã bán | 122.498.619.325 | 94.376.474.891 |
| Cung cấp dịch vụ cho thuê | 9.924.989.377 | 3.966.539.798 |
| Dự phòng hàng tồn kho | 558.993.306 | 1.426.783.337 |
| | <hr/> 132.982.602.008 | <hr/> 99.769.798.026 |

Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

30. Doanh thu hoạt động tài chính

| | 2024 VND | 2023 VND |
|--------------------------------------|---------------------------|---------------------------|
| Lãi từ tiền gửi có kỳ hạn | 2.394.260.335 | 764.191.743 |
| Thu nhập từ cổ tức | 552.500.000 | 552.500.000 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện | 42.358.343 | 90.320.765 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện | 4.896.154 | 541.876 |
| | <hr/> | <hr/> |
| | 2.994.014.832 | 1.407.554.384 |
| | <hr/> | <hr/> |

31. Chi phí hoạt động tài chính

| | 2024 VND | 2023 VND |
|-----------------------------------|---------------------------|---------------------------|
| Chi phí lãi vay từ các khoản vay | 24.362.739.305 | 6.397.498.953 |
| Chi phí lãi vay từ thuê tài chính | 16.158.150.632 | 15.121.254.067 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện | 9.163.806 | 94.464.407 |
| | <hr/> | <hr/> |
| | 40.530.053.743 | 21.613.217.427 |
| | <hr/> | <hr/> |

32. Chi phí bán hàng

| | 2024 VND | 2023 VND |
|-----------------------------|---------------------------|---------------------------|
| Chi phí thuê đất | 25.306.139.782 | 56.355.463.588 |
| Chi phí nhân viên | 14.713.931.884 | 16.936.650.279 |
| Chi phí vận chuyển | 4.844.806.095 | 3.558.750.171 |
| Chi phí quảng cáo | 1.751.782.336 | 1.869.433.390 |
| Chi phí khấu hao và phân bổ | 1.601.699.551 | 1.594.819.453 |
| Chi phí bán hàng khác | 1.717.696.300 | 4.845.268.005 |
| | <hr/> | <hr/> |
| | 49.936.055.948 | 85.160.384.886 |
| | <hr/> | <hr/> |

Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

33. Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | 2024 VND | 2023 VND |
|---------------------------|---------------------------|---------------------------|
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 7.343.328.269 | 7.197.355.421 |
| Chi phí nhân viên | 8.287.110.927 | 12.964.114.932 |
| Chi phí khấu hao | 1.180.382.494 | 1.177.181.792 |
| Chi phí thuê đất | 518.131.565 | 527.799.098 |
| Chi phí quản lý khác | 4.324.342.219 | 6.286.344.276 |
| | <hr/> | <hr/> |
| | 21.653.295.474 | 28.152.795.519 |
| | <hr/> | <hr/> |

34. Thu nhập khác

| | 2024 VND | 2023 VND |
|---------------------------------|---------------------------|---------------------------|
| Thu từ hợp tác kinh doanh | 1.314.349.545 | 1.372.917.773 |
| Lãi do thanh lý tài sản cố định | 895.436.818 | - |
| Hỗ trợ tiếp thị | 223.085.965 | 867.208.502 |
| Thu nhập khác | 357.408.891 | 177.881.276 |
| | <hr/> | <hr/> |
| | 2.790.281.219 | 2.418.007.551 |
| | <hr/> | <hr/> |

35. Chi phí khác

| | 2024 VND | 2023 VND |
|--|---------------------------|---------------------------|
| Chi phí khấu hao bất động sản đầu tư trong thời gian không sử dụng | 5.397.542.848 | 2.804.671.424 |
| Chi phí thuê đất cho hợp tác kinh doanh | 1.314.349.545 | 1.372.917.773 |
| Phân bổ chi phí thuê đất | 1.238.817.364 | 213.041.322 |
| Tiền phạt | 369.270.875 | 3.512.301.454 |
| Chi phí khác | 2.310.149.755 | 1.176.492.802 |
| | <hr/> | <hr/> |
| | 10.630.130.387 | 9.079.424.775 |
| | <hr/> | <hr/> |

Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

36. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

| | 2024 VND | 2023 VND |
|--|---------------------------|---------------------------|
| Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất | 98.817.386.089 | 73.810.343.684 |
| Chi phí nhân công và nhân viên | 39.680.057.623 | 41.575.580.506 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 43.248.783.841 | 72.267.942.409 |
| Chi phí khấu hao | 21.324.155.701 | 16.640.481.564 |
| Chi phí khác | 6.899.113.024 | 11.593.301.692 |

37. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Đối chiếu thuế suất thực tế

| | 2024 VND | 2023 VND |
|---|---------------------------|---------------------------|
| Lỗ kế toán trước thuế | (66.669.493.694) | (113.672.108.563) |
| Thuế tính theo thuế suất của Công ty | (13.333.898.739) | (22.734.421.713) |
| Chi phí không được khấu trừ thuế | 9.986.563.064 | 6.856.452.688 |
| Thu nhập không bị tính thuế | (110.500.000) | (110.500.000) |
| Dự phòng thiếu trong những năm trước | - | 6.067.553.220 |
| Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận | 2.373.084.068 | 15.500.752.086 |
| (Lợi ích)/chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp | (1.084.751.607) | 5.579.836.281 |

(b) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

| | 31/12/2024 | | 1/1/2024 | |
|--------------|--------------------------------|-------------------------|--------------------------------|-------------------------|
| | Chênh lệch tạm thời VND | Giá trị thuế VND | Chênh lệch tạm thời VND | Giá trị thuế VND |
| Lỗ tính thuế | 163.286.850.183 | 32.657.370.037 | 151.421.429.846 | 30.284.285.969 |

Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Lỗ tính thuế sẽ hết hiệu lực vào những năm sau:

| Năm hết hiệu lực | Tình hình quyết toán | Số lỗ được khấu trừ VND |
|-------------------------|-----------------------------|--|
| 2026 | Chưa quyết toán | 32.262.290.937 |
| 2027 | Chưa quyết toán | 41.655.378.480 |
| 2028 | Chưa quyết toán | 77.503.760.429 |
| 2029 | Chưa quyết toán | 11.865.420.337 |
| | | <hr/> |
| | | 163.286.850.183 |
| | | <hr/> |

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận đối với các khoản lỗ tính thuế vì không chắc chắn sẽ có lợi nhuận chịu thuế trong tương lai để Công ty có thể sử dụng các lợi ích từ đó.

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo thuế suất là 20% trên lợi nhuận tính thuế.

38. Lỗ cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính lỗ cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023 dựa trên số lỗ thuần thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số trích vào quỹ khen thưởng, phúc lợi và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

(i) Lỗ thuần thuộc về cổ đông phổ thông

| | 2024 VND | 2023 VND |
|-------------------------------------|---------------------|---------------------|
| Lỗ thuần thuộc về cổ đông phổ thông | (65.584.742.087) | (119.251.944.844) |

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

Không có biến động số lượng cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023. Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho cả hai năm báo cáo là 8.477.640 cổ phiếu.

Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

39. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

| | Giá trị giao dịch | |
|--|-------------------|-----------------|
| | 2024 VND | 2023 VND |
| Công ty mẹ | | |
| Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn | | |
| Bán thành phẩm | 1.263.381.488 | 545.513.636 |
| Doanh thu cho thuê | 10.091.043.011 | 2.202.771.193 |
| Các khoản vay được giải ngân | - | 376.000.000.000 |
| Chi phí lãi vay | 24.362.739.305 | 14.794.535.680 |
| Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn - Nhà máy Bia Sài Gòn Nguyễn Chí Thanh | | |
| Bán thành phẩm | 38.481.822 | 36.826.388 |
| Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn - Nhà máy Bia Sài Gòn Củ Chi | | |
| Bán thành phẩm | 16.118.182 | 15.547.097 |
| Mua nguyên vật liệu | 167.946.000 | 71.127.000 |
| Các bên liên quan khác | | |
| Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Trung | | |
| Bán thành phẩm | 129.354.207 | 54.945.455 |
| Doanh thu khác | 7.592.739 | 3.829.247 |
| Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây | | |
| Bán thành phẩm | 32.015.692 | 10.338.510 |
| Mua hàng hóa | 187.800.000 | - |
| Công ty Liên doanh TNHH Crown Sài Gòn | | |
| Mua vật liệu bao bì | 8.538.386.536 | 30.191.083.042 |
| Fraser & Neave (Malaya) Sdn Bhd | | |
| Mua hàng hóa | - | 337.788.216 |
| F&N Global Marketing Pte. Ltd | | |
| Nhận hỗ trợ tiếp thị | 223.085.965 | 867.208.502 |
| Công ty TNHH Trung tâm Mê Linh | | |
| Bán thành phẩm | 34.227.371 | 34.374.535 |
| Công ty TNHH MM Mega Market (Việt Nam) | | |
| Bán thành phẩm | 988.220.945 | 484.082.574 |

Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

| | Giá trị giao dịch | |
|--|-------------------|----------------|
| | 2024 VND | 2023 VND |
| Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Bắc | | |
| Bán thành phẩm | 157.283.842 | 116.040.000 |
| Doanh thu khác | 28.585.360 | - |
| Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Bắc Trung Bộ | | |
| Bán thành phẩm | 100.230.510 | 29.636.364 |
| Doanh thu khác | 11.222.532 | 8.379.920 |
| Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Trung Tâm | | |
| Bán thành phẩm | 248.436.466 | 114.831.439 |
| Thu nhập cho thuê | 390.000.000 | - |
| Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Đông | | |
| Bán thành phẩm | 184.719.851 | 94.269.899 |
| Công ty TNHH Một Thành viên Tập đoàn Bia Sài Gòn | | |
| Bán thành phẩm | 33.018.106 | - |
| Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Nam Trung Bộ | | |
| Bán thành phẩm | 102.667.587 | 47.030.200 |
| Doanh thu khác | 6.010.611 | 7.880.273 |
| Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Đông Bắc | | |
| Bán thành phẩm | 108.702.027 | 90.229.182 |
| Doanh thu khác | 15.338.495 | 6.283.825 |
| Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Tây Nguyên | | |
| Bán thành phẩm | 110.236.873 | 125.728.785 |
| Doanh thu khác | 6.991.781 | 3.501.527 |
| Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Bia Sài Gòn | | |
| Bán thành phẩm | 347.387.031 | 138.981.873 |
| Các khoản vay được giải ngân | - | 50.000.000.000 |
| Công ty Cổ phần Bao bì Bia Sài Gòn | | |
| Bán thành phẩm | 5.927.259 | 16.664.991 |
| Thu nhập cho thuê | - | 1.886.343.920 |
| Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây | | |
| Bán hàng hóa | 763.636 | - |

Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

| | Giá trị giao dịch | |
|--|-------------------|-------------|
| | 2024 VND | 2023 VND |
| Công ty Cổ phần Bia. Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân | | |
| Bán thành phẩm | 62.501.032 | - |
| Doanh thu khác | 5.940.920 | - |
| Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Hà Nội | | |
| Bán thành phẩm | 100.288.506 | - |
| Doanh thu khác | 10.156.802 | - |
| Công ty TNHH Một Thành Viên Bia Sài Gòn - Hà Tĩnh | | |
| Bán thành phẩm | 80.203.039 | 20.045.454 |
| Doanh thu khác | 8.573.450 | 3.730.882 |
| Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Lâm Đồng | | |
| Bán thành phẩm | 145.713.277 | 92.961.987 |
| Mua hàng hóa | 151.006.500 | - |
| Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Miền Trung | | |
| Bán hàng hóa | 73.118.058 | - |
| Doanh thu khác | 3.866.870 | - |
| Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh | | |
| Bán thành phẩm | 55.148.772 | - |
| Mua dịch vụ | 4.871.900 | - |
| Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi | | |
| Bán thành phẩm | 192.552.294 | 66.283.635 |
| Doanh thu khác | 15.520.566 | 7.522.798 |
| Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải khát Sài Gòn - Tây Đô | | |
| Cổ tức nhận được | 552.500.000 | 552.500.000 |
| Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Hậu | | |
| Bán thành phẩm | 208.098.061 | 92.848.848 |
| Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Tiền | | |
| Bán thành phẩm | 172.293.648 | 71.275.455 |
| Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam | | |
| Bán thành phẩm | 87.442.606 | - |
| Doanh thu khác | 11.121.906 | - |
| Công ty TNHH Một Thành Viên Bia Sài Gòn – Sóc Trăng | | |
| Bán thành phẩm | 88.698.909 | 33.192.728 |
| Doanh thu khác | 231.481 | - |

. TY
 . AN
 . KH
 . UON
 . CH

01-C.T.M.H
 NH
 NHH
 K
 CHÍ MINH

M.S.C.N. 0100112
 CHI
 CÔNG
 KI
 THÀNH PH

Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

41. Thông tin so sánh

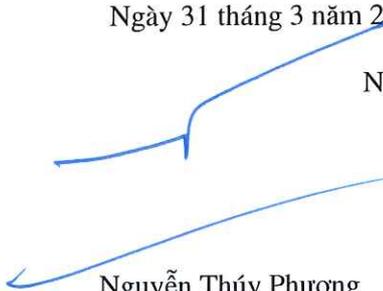
Các thông tin so sánh khác tại ngày 1 tháng 1 năm 2024 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Ngày 31 tháng 3 năm 2025

Người lập:


Bùi Thị Kim Chi
Kế toán

Người duyệt:


Nguyễn Thúy Phương
Kế toán trưởng




Phạm Tân Lợi
Giám đốc





CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT CHƯƠNG DƯƠNG

606 Võ Văn Kiệt, Phường Cầu Kho, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 38367 518

Fax: (028) 38367 176

Website: www.cdbeco.com.vn

Email: info@cdbeco.com.vn

Số.: 01 /2025/TT- HĐQT

Tp HCM, ngày 01 tháng 04 năm 2025

TỜ TRÌNH

V/V: Lựa chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2025

Kính gửi Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Nước giải khát Chương Dương

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14;

Căn cứ Điều lệ và các quy định Công ty cổ phần Nước giải khát Chương Dương;

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Nước giải khát Chương Dương kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn công ty kiểm toán độc lập cho năm tài chính 2025 và các giai đoạn có liên quan khác như công ty kiểm toán độc lập của Công ty mẹ (SABECO).

Trân trọng,

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VP. HĐQT/ Văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Tan Teck Chuan Lester



CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT CHƯƠNG DƯƠNG
606 Võ Văn Kiệt, Phường Cầu Kho, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: (028) 38367 518 Fax: (028) 38367 176
Website: www.cdbeco.com.vn Email: info@cdbeco.com.vn

Số.: 02 /2025/TTr-HĐQT

Tp HCM, ngày 01 tháng 4 năm 2025

TỜ TRÌNH
V/v: Phân phối lợi nhuận năm 2024

Kính gửi : Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Nước giải khát Chương Dương

Căn cứ kết quả thực hiện năm 2024, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Nước giải khát Chương Dương kính trình Đại hội đồng cổ đông kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2024 cụ thể như sau:

| STT | Diễn giải | Kế hoạch 2024 (Triệu đồng) | Thực hiện 2024 (Triệu đồng) |
|-----|----------------------------------|-------------------------------|--------------------------------|
| 1 | Lợi nhuận chưa phân phối đầu kỳ | -200,955.68 | -200,955.68 |
| 2 | Lợi nhuận sau thuế | -73,112.67 | -65,584.74 |
| 3 | Phân phối lợi nhuận, trong đó: | 1,012.00 | 0.00 |
| | Trích Quỹ Khen thưởng phúc lợi | 1,012.00 | 0.00 |
| | Trích Quỹ Đầu tư phát triển | 0 | 0 |
| | Trích Quỹ Công tác xã hội | 0 | 0 |
| | Chia cổ tức | 0 | 0 |
| | Tỷ lệ chia cổ tức | 0,00% | 0,00% |
| 4 | Lợi nhuận chưa phân phối cuối kỳ | -275,080.35 | -266,540.42 |

Trân trọng,

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VP. HĐQT/ Văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Tan Teck Chuan Lester

**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT CHƯƠNG DƯƠNG**

606 Võ Văn Kiệt, Phường Cầu Kho, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 38367 518

Fax: (028) 38367 176

Website: www.cdbeco.com.vnEmail: info@cdbeco.com.vn

Số.: 03 /2025/TTr-HĐQT

Tp HCM, ngày 01 tháng 4 năm 2025

TỜ TRÌNH**V/v: Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2025**

Kính gửi Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Nước giải khát Chương Dương

Căn cứ kết quả thực hiện năm 2024, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Nước giải khát Chương Dương kính trình Đại hội đồng cổ đông kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2025 cụ thể như sau:

| STT | Diễn giải | Thực hiện 2024 (Triệu đồng) | Kế hoạch 2025 (Triệu đồng) |
|-----|----------------------------------|--------------------------------|-------------------------------|
| 1 | Lợi nhuận chưa phân phối đầu kỳ | -200,955.68 | -266,540.42 |
| 2 | Lợi nhuận sau thuế | -65,584.74 | -80,492.58 |
| 3 | Phân phối lợi nhuận, trong đó: | 0.00 | 0.00 |
| | Trích Quỹ Khen thưởng phúc lợi | 0.00 | 0 |
| | Trích Quỹ Đầu tư phát triển | 0 | 0 |
| | Trích Quỹ Công tác xã hội | 0 | 0 |
| | Chia cổ tức | 0 | 0 |
| | Tỷ lệ chia cổ tức | 0,00% | 0,00% |
| 4 | Lợi nhuận chưa phân phối cuối kỳ | -266,540.42 | -347,033.00 |

Trân trọng,

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VP. HĐQT/ Văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**CHỦ TỊCH**

Lan Teck Chuan Lester



Số.: 04 /2025/TTr-HĐQT

Tp HCM, ngày 01 tháng 4 năm 2025

TỜ TRÌNH
V/v: Quyết toán tiền lương, thù lao, tiền thưởng năm 2024
của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát

Kính gửi : Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Nước giải khát Chương Dương

Căn cứ Nghị quyết số 04 /2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/4/2024 của Đại hội đồng Cổ đông Công ty cổ phần Nước giải khát Chương Dương;

Căn cứ chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 của Công ty cổ phần Nước giải khát Chương Dương;

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Nước giải khát Chương Dương kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua việc quyết toán tiền lương, thù lao, tiền thưởng năm 2024 đối với các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát tại Công ty cổ phần Nước giải khát Chương Dương như sau:

1. Đối với các thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Nước giải khát Chương Dương:

| STT | Diễn giải | Đơn vị tính | Kế hoạch 2024 | Thực hiện 2024 |
|------------|--------------------------------------|-------------|--------------------|--------------------|
| I | Tiền lương, tiền thưởng | | | |
| 1 | Số lượng các thành viên chuyên trách | Người | 0 | 0 |
| 2 | Quỹ tiền lương | Đồng | 0 | 0 |
| 3 | Quỹ tiền thưởng | Đồng | 0 | 0 |
| II | Thù lao | | | |
| 1 | Số lượng các thành viên kiêm nhiệm | Người | 5 | 5 |
| 2 | Quỹ thù lao | Đồng | 494,000,000 | 494,000,000 |
| III | Tổng tiền | Đồng | 494,000,000 | 494,000,000 |

2. Đối với các thành viên Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Nước giải khát Chương Dương:

| STT | Diễn giải | Đơn vị tính | Kế hoạch 2024 | Thực hiện 2024 |
|----------|--------------------------------------|-------------|---------------|----------------|
| I | Tiền lương, tiền thưởng | | | |
| 1 | Số lượng các thành viên chuyên trách | Người | 1 | 1 |
| 2 | Quỹ tiền lương | Đồng | 407,203,908 | 406,903,908 |
| 3 | Quỹ tiền thưởng | Đồng | 0 | 0 |

| STT | Diễn giải | Đơn vị tính | Kế hoạch 2024 | Thực hiện 2024 |
|------------|------------------------------------|----------------|--------------------|--------------------|
| II | Thù lao | | | |
| 1 | Số lượng các thành viên kiêm nhiệm | Người | 2 | 2 |
| 2 | Quỹ thù lao | Đồng | 104,000,000 | 104,000,000 |
| III | Tổng tiền | Đồng | 511,203,908 | 510,903,908 |

Trân trọng,

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VP. HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Tan Teck Chuan Lester

**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT CHƯƠNG DƯƠNG**

606 Võ Văn Kiệt, Phường Cầu Kho, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 38367 518

Fax: (028) 38367 176

Website: www.cdbeco.com.vnEmail: info@cdbeco.com.vn

Số.: 05 /2025/TTr-HĐQT

Tp HCM, ngày 01 tháng 4 năm 2025

TỜ TRÌNH**V/v: Kế hoạch tiền lương, thù lao, tiền thưởng năm 2025
của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát**

Kính gửi Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Nước giải khát Chương Dương

Căn cứ Nghị quyết số 04 /2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/4/2024 của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Nước giải khát Chương Dương;

Căn cứ chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 của Công ty cổ phần Nước giải khát Chương Dương;

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Nước giải khát Chương Dương kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua kế hoạch tiền lương, thù lao, tiền thưởng năm 2025 đối với các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát tại Công ty cổ phần Nước giải khát Chương Dương như sau:

1. Đối với các thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Nước giải khát Chương Dương:

| TT | Diễn giải | Đơn vị tính | Thực hiện 2024 | Kế hoạch 2025 |
|------------|--------------------------------------|-------------|--------------------|--------------------|
| I | Tiền lương, tiền thưởng | | | |
| 1 | Số lượng các thành viên chuyên trách | Người | 0 | 0 |
| 2 | Quỹ tiền lương | Đồng | 0 | 0 |
| 3 | Quỹ tiền thưởng | Đồng | 0 | 0 |
| II | Thù lao | | | |
| 1 | Số lượng các thành viên kiêm nhiệm | Người | 5 | 5 |
| 2 | Quỹ thù lao | Đồng | 494,000,000 | 494,000,000 |
| III | Tổng tiền | Đồng | 494,000,000 | 494,000,000 |

2. Đối với các thành viên Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Nước giải khát Chương Dương:

| TT | Diễn giải | Đơn vị tính | Thực hiện 2024 | Kế hoạch 2025 |
|----------|--------------------------------------|-------------|----------------|---------------|
| I | Tiền lương, tiền thưởng | | | |
| 1 | Số lượng các thành viên chuyên trách | Người | 1 | 1 |

| TT | Diễn giải | Đơn vị tính | Thực hiện 2024 | Kế hoạch 2025 |
|------------|------------------------------------|-------------|--------------------|--------------------|
| 2 | Quỹ tiền lương | Đồng | 406,903,908 | 425,674,858 |
| 3 | Quỹ tiền thưởng | Đồng | 0 | 0 |
| II | Thù lao | | | |
| 1 | Số lượng các thành viên kiêm nhiệm | Người | 2 | 2 |
| 2 | Quỹ thù lao | Đồng | 104,000,000 | 104,000,000 |
| III | Tổng tiền | Đồng | 510,903,908 | 529,674,858 |

Trân trọng,

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VP. HĐQT

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Tan Teck Chuan Lester

**CHUONG DUONG BEVERAGES JOINT STOCK COMPANY**

606 Vo Van Kiet, Cau Kho Ward, District 1, HCM City

Tel.: (028) 38367 518

Fax: (028) 38367 176

Website: www.cdbeco.com.vnEmail: info@cdbeco.com.vn

No.: 06 /2025/TTr-HDQT

Tp HCM, ngày tháng năm 2025

TỜ TRÌNH**V/v: Sửa đổi, bổ sung ngành nghề kinh doanh và sửa đổi, bổ sung Điều lệ**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Nước giải khát Chuong Duong

Căn cứ Luật Doanh nghiệp 2020;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Nước giải khát Chuong Duong,

Hội đồng Quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua việc sửa đổi, bổ sung ngành nghề kinh doanh và sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung ngành nghề kinh doanh của Công ty như sau:

| Nội dung ĐKKD hiện tại | Nội dung ĐKKD sau khi sửa đổi, bổ sung |
|--|---|
| 4633 Bán buôn đồ uống Chi tiết: Mua bán đồ uống. | 4633: Bán buôn đồ uống Chi tiết: Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn các hàng hóa không thuộc diện cấm xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối, theo quy định pháp luật Việt Nam hoặc không thuộc diện hạn chế theo các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên (CPC 622). |
| 4669 Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu Chi tiết: Kinh doanh nguyên vật liệu, bao bì, thiết bị, công nghệ ngành sản xuất đồ uống. | 4669: Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu Chi tiết: Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn các hàng hóa không thuộc diện cấm xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối, theo quy định pháp luật Việt Nam hoặc không thuộc diện hạn chế theo các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên (CPC 622). |
| 6810 Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh nhà. | 6810: Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản (Ngoại trừ đầu tư xây dựng hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng). |
| 6820 Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Môi giới bất động sản. | 6820: Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất. Chi tiết: Môi giới bất động sản. (trừ đấu giá tài sản) |



| | |
|---|---|
| 4933 Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (Trừ hóa lỏng khí để vận chuyển) | (Hủy bỏ 4933) |
| Giữ nguyên 3290 | 3290: Sản xuất khác chưa được phân vào đâu |
| | Đăng ký mới |
| 1104 Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng. | 1104: Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng. Chi tiết: Sản xuất, gia công các nhóm sản phẩm sau: Nước khoáng thiên nhiên và nước uống đóng chai Alkaline Hydrogen và các loại nước uống đóng chai, đóng bình khác; Nhóm đồ uống không cồn trừ bia và rượu không cồn; Nhóm nước giải khát có ga, không ga; Nhóm nước giải khát không cồn: nước chanh, nước cam, Cola, nước hoa quả, nước dinh dưỡng. |
| 2220 Sản xuất sản phẩm từ plastic | 2220: Sản xuất sản phẩm từ plastic Chi tiết: Sản xuất bao bì từ plastic dùng để đóng gói hàng hóa như túi, bao tải, hộp, thùng, hòm, bình lớn chai lọ bằng nhựa. |
| 8292 Dịch vụ đóng gói | 8292: Dịch vụ đóng gói Chi tiết: Dịch vụ liên quan đến sản xuất (CPC 884-885). |
| 4791 Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet | 4791: Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet. Chi tiết: Thực hiện phân phối bán lẻ các hàng hóa không thuộc danh mục hàng hóa không được phân phối theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc không thuộc diện hạn chế theo cam kết quốc tế mà Việt Nam là thành viên. |
| 4799 Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu | 4799: Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Thực hiện phân phối bán lẻ các hàng hóa không thuộc danh mục hàng hóa không được phân phối theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc không thuộc diện hạn chế theo cam kết quốc tế mà Việt Nam là thành viên. |
| 1102 Sản xuất rượu vang | 1102: Sản xuất rượu vang Chi tiết: Sản xuất rượu sủi tăm; Sản xuất rượu từ chiết xuất của nho; Sản xuất đồ uống có cồn lên men nhưng không qua chưng cất như rượu sake, rượu táo, rượu lê, rượu mật ong, rượu hoa quả khác và đồ uống hỗn hợp chứa cồn; Sản xuất rượu vecmut và đồ uống tương tự; Pha chế các loại rượu vang; Sản xuất rượu không cồn và có độ cồn thấp. |

Lý do: Phục vụ cho hoạt động kinh doanh theo quy định của pháp luật

2. Sửa đổi Khoản 1 Điều 4 Điều lệ Công ty để sửa đổi, bổ sung ngành nghề kinh doanh theo

Mục 1 của Tờ trình này.

3. Giao Người đại diện theo pháp luật Công ty thực hiện các thủ tục cần thiết theo quy định pháp luật để hoàn tất các nội dung được nêu tại Mục 1 và Mục 2 nêu trên: Cập nhật thay đổi ngành nghề kinh doanh vào Điều lệ Công ty, thực hiện thủ tục đăng ký thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh của Công ty tại cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Trong phạm vi ngành, nghề kinh doanh đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Người đại diện theo pháp luật của Công ty có toàn quyền quyết định mọi vấn đề liên quan đến việc bổ sung, sửa đổi ngành nghề kinh doanh theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và/hoặc theo yêu cầu của pháp luật. *Mhau*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VP HĐQT

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Tan Teck Chuan Lester





CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT CHUÔNG DƯƠNG
CHUONG DUONG BEVERAGES JOINT STOCK COMPANY

606 Võ Văn Kiệt, Phường Cầu Kho, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

606 Vo Van Kiet, Cau Kho Ward, District 1, HCM City

Tel.: (028) 38367 518

Fax: (028) 38367 176

Website: www.cdbeco.com.vn

Email: info@cdbeco.com.vn

MÃ SỐ CỔ ĐÔNG
SHAREHOLDER'S CODE:

PHIẾU BIỂU QUYẾT
VOTING CARD

Họ và tên cổ đông: (Full name of Shareholder):

Tổng số cổ phần sở hữu và/hoặc được ủy quyền: (Total shares owned and/or authorized) **cổ phần / shares.**

(Quý cổ đông đánh dấu vào ô lựa chọn theo từng Nội dung biểu quyết)/ (Shareholder shall tick in the box of choice for each Voting contents)

| NỘI DUNG / CONTENTS | Tán thành <i>With the favor</i> | Không tán thành <i>With an objection</i> | Không ý kiến <i>With an Abstain</i> |
|---|---|--|---|
| Nội dung 1: Báo cáo Tài chính năm 2024 đã kiểm toán <i>Content no. 1: Audited 2024 Financial report</i> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| Nội dung 2: Báo cáo HĐQT kết quả hoạt động năm 2024 và định hướng năm 2025 <i>Content no. 2: BOD report on 2024 Business performance and 2025 plan</i> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| Nội dung 3: Báo cáo hoạt động của BKS năm 2024 và kế hoạch hoạt động 2025 <i>Content no. 3: Report of the Supervisory Board on 2024 performance and 2025 plan</i> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| Nội dung 4: Lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập năm 2025 <i>Content no. 4: Select the independent auditor for 2025</i> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| Nội dung 5: Phân phối lợi nhuận năm 2024 <i>Content no. 5: 2024 profit distribution</i> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| Nội dung 6: Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2025 <i>Content no. 6: 2025 profit distribution plan</i> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| Nội dung 7: Quyết toán tiền lương, thù lao, tiền thưởng năm 2024 của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát Công ty. <i>Content no. 7: Settlement of salary, remuneration, bonus in 2024 for BOD and Supervisory Board.</i> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| Nội dung 8: Kế hoạch tiền lương, thù lao, tiền thưởng năm 2025 của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát Công ty. <i>Content no. 8: Plan of salary, remuneration, bonus in 2025 for BOD and Supervisory board.</i> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| Nội dung 9: Tờ trình: Bổ sung và sửa đổi ngành nghề kinh doanh và Điều lệ Công ty. <i>Content no. 9: Proposal: Supplement and amendment of business codes in the Business registration license and Company Bylaws</i> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |

Ngày 21 tháng 04 năm 2025

Người biểu quyết / Voter

(Ký và ghi rõ họ tên)/ (Sign and write full name)

Hướng dẫn / Guide: Cổ đông biểu quyết bằng cách lựa chọn **một** trong các phương án: **Tán thành, Không tán thành, Không ý kiến** cho từng nội dung biểu quyết./ *Shareholder to vote by select one in answers: with the favor, with the objection, with an abstain for each voting content.*

**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT CHƯƠNG DƯƠNG**

606 Võ Văn Kiệt, Phường Cầu Kho, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 38367 518

Fax: (028) 38367 176

Website: www.cdbeco.com.vnEmail: info@cdbeco.com.vn

Số :/2025/NQ-ĐHĐCĐ

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2025

DỰ THẢO**NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2025
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT CHƯƠNG DƯƠNG**

Căn cứ Luật doanh nghiệp Nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội khoá XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17/6/2020, có hiệu lực ngày 01/01/2024;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và Hoạt động của Công ty Cổ phần Nước giải khát Chương Dương được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 25 tháng 4 năm 2022;

Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025 của Công ty cổ phần Nước giải khát Chương Dương ngày 21/4/2025

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Thông qua Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty cổ phần Nước giải khát Chương Dương được kiểm toán bởi Công ty TNHH KPMG.

Điều 2: Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động năm 2024 và định hướng năm 2025

2.1. Kết quả kinh doanh năm 2024

| Hạng mục | Đơn vị tính | Thực hiện 2023 (A) | Kế hoạch 2024 (B) | Thực hiện 2024 (C) | % so với cùng kỳ (C-A)/(A) | % so với Kế hoạch (C-B)/(B) |
|--------------------|-------------|--------------------|-------------------|--------------------|----------------------------|-----------------------------|
| Doanh thu thuần | Tỷ đồng | 126.278 | 225.26 | 183.28 | 45% | -19% |
| Lợi nhuận sau thuế | Tỷ đồng | (119.252) | (73.11) | (65.59) | 45% | 10% |

2.2. Kế hoạch năm 2025

| Hạng mục | Đơn vị tính | Thực hiện 2024 (A) | Kế hoạch 2025 (B) | Tỷ lệ tăng trưởng theo % (B-A)/(A) |
|--------------------|-------------|--------------------|-------------------|------------------------------------|
| Doanh thu thuần | Tỷ đồng | 183.28 | 260.34 | 42% |
| Lợi nhuận sau thuế | Tỷ đồng | (65.59) | (80.49) | - 23% |

Điều 3. Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2024 và định hướng năm 2025.

Điều 4. Thông qua tờ trình việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập cho năm tài chính 2025.

Đại hội thống nhất ủy quyền cho Hội đồng Quản trị lựa chọn công ty kiểm toán độc lập cho năm tài chính 2025 và các giai đoạn liên quan theo Công ty mẹ là SABECO.

Điều 5. Thông qua Tờ trình phân phối lợi nhuận năm 2024

| TT | Diễn giải | Kế hoạch 2024 (Triệu đồng) | Thực hiện 2024 (Triệu đồng) |
|----|---------------------------------------|-------------------------------|--------------------------------|
| 1 | Lợi nhuận chưa phân phối đầu kỳ | -200,955.68 | -200,955.68 |
| 2 | Lợi nhuận sau thuế | -73,112.67 | -65,584.74 |
| 3 | Phân phối lợi nhuận, trong đó: | 1,012.00 | 0.00 |
| | Trích Quỹ Khen thưởng phúc lợi | 1,012.00 | 0.00 |
| | Trích Quỹ Đầu tư phát triển | 0 | 0 |
| | Trích Quỹ công tác xã hội | 0 | 0 |
| | Chia cổ tức | 0 | 0 |
| | Tỷ lệ chia cổ tức | 0,00% | 0,00% |
| 4 | Lợi nhuận chưa phân phối cuối kỳ | -275,080.35 | -266,540.42 |

Điều 6. Thông qua Tờ trình kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2025.

| TT | Diễn giải | Thực hiện 2024 (Triệu đồng) | Kế hoạch 2025 (Triệu đồng) |
|----|---------------------------------------|-----------------------------------|----------------------------------|
| 1 | Lợi nhuận chưa phân phối đầu kỳ | -200,955.68 | -266,540.42 |
| 2 | Lợi nhuận sau thuế | -65,584.74 | -80,492.58 |
| 3 | Phân phối lợi nhuận, trong đó: | 0.00 | 0.00 |
| | Trích Quỹ Khen thưởng phúc lợi | 0.00 | 0 |
| | Trích Quỹ Đầu tư phát triển | 0 | 0 |
| | Trích Quỹ công tác xã hội | 0 | 0 |
| | Chia cổ tức | 0 | 0 |
| | Tỷ lệ chia cổ tức | 0,00% | 0,00% |
| 4 | Lợi nhuận chưa phân phối cuối kỳ | -266,540.42 | -347,033.00 |

Điều 7. Thông qua Tờ trình quyết toán tiền lương, thù lao, tiền thưởng năm 2024 của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát.

7.1. Đối với các thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Nước giải khát Chương Dương.

| TT | Diễn giải | Đơn vị tính | Kế hoạch 2024 | Thực hiện 2024 |
|----|-------------------------|----------------|---------------|----------------|
| I | Tiền lương, tiền thưởng | | | |

| TT | Diễn giải | Đơn vị tính | Kế hoạch 2024 | Thực hiện 2024 |
|------------|--------------------------------------|-------------|--------------------|--------------------|
| 1 | Số lượng các thành viên chuyên trách | Người | 0 | 0 |
| 2 | Quỹ tiền lương | Đồng | 0 | 0 |
| 3 | Quỹ tiền thưởng | Đồng | 0 | 0 |
| II | Thù lao | | | |
| 1 | Số lượng các thành viên kiêm nhiệm | Người | 5 | 5 |
| 2 | Quỹ thù lao | Đồng | 494,000,000 | 494,000,000 |
| III | Tổng tiền | Đồng | 494,000,000 | 494,000,000 |

7.2. Đối với các thành viên Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Nước giải khát Chương Dương.

| TT | Diễn giải | Đơn vị tính | Kế hoạch 2024 | Thực hiện 2024 |
|------------|--------------------------------------|-------------|--------------------|--------------------|
| I | Tiền lương, tiền thưởng | | | |
| 1 | Số lượng các thành viên chuyên trách | Người | 1 | 1 |
| 2 | Quỹ tiền lương | Đồng | 407,203,908 | 406,903,908 |
| 3 | Quỹ tiền thưởng | Đồng | 0 | 0 |
| II | Thù lao | | | |
| 1 | Số lượng các thành viên kiêm nhiệm | Người | 2 | 2 |
| 2 | Quỹ thù lao | Đồng | 104,000,000 | 104,000,000 |
| III | Tổng tiền | Đồng | 511,203,908 | 510,903,908 |

Điều 8. Thông qua Tờ trình kế hoạch tiền lương, thù lao, tiền thưởng năm 2025 của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát.

8.1. Đối với các thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Nước giải khát Chương Dương.

| TT | Diễn giải | Đơn vị tính | Thực hiện 2024 | Kế hoạch 2025 |
|----------|--------------------------------------|-------------|----------------|---------------|
| I | Tiền lương, tiền thưởng | | | |
| 1 | Số lượng các thành viên chuyên trách | Người | 0 | 0 |
| 2 | Quỹ tiền lương | Đồng | 0 | 0 |
| 3 | Quỹ tiền thưởng | Đồng | 0 | 0 |

| TT | Diễn giải | Đơn vị tính | Thực hiện 2024 | Kế hoạch 2025 |
|------------|------------------------------------|-------------|--------------------|--------------------|
| II | Thù lao | | | |
| 1 | Số lượng các thành viên kiêm nhiệm | Người | 5 | 5 |
| 2 | Quỹ thù lao | Đồng | 494,000,000 | 494,000,000 |
| III | Tổng tiền | Đồng | 494,000,000 | 494,000,000 |

8.2. Đối với các thành viên Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Nước giải khát Chương Dương.

| TT | Diễn giải | Đơn vị tính | Thực hiện 2024 | Kế hoạch 2025 |
|------------|--------------------------------------|-------------|--------------------|--------------------|
| I | Tiền lương, tiền thưởng | | | |
| 1 | Số lượng các thành viên chuyên trách | Người | 1 | 1 |
| 2 | Quỹ tiền lương | Đồng | 406,903,908 | 425,674,858 |
| 3 | Quỹ tiền thưởng | Đồng | 0 | 0 |
| II | Thù lao | | | |
| 1 | Số lượng các thành viên kiêm nhiệm | Người | 2 | 2 |
| 2 | Quỹ thù lao | Đồng | 104,000,000 | 104,000,000 |
| III | Tổng tiền | Đồng | 510,903,908 | 529,674,858 |

Điều 9. Thông qua việc Bổ sung, sửa đổi ngành nghề kinh doanh và bổ sung, sửa đổi Điều lệ Công ty

| Nội dung ĐKKD hiện tại | Nội dung ĐKKD sau khi sửa đổi, bổ sung |
|---|---|
| <p>4633</p> <p>Bán buôn đồ uống</p> <p>Chi tiết: Mua bán đồ uống.</p> | <p>4633: Bán buôn đồ uống</p> <p>Chi tiết: Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn các hàng hóa không thuộc diện cấm xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối, theo quy định pháp luật Việt Nam hoặc không thuộc diện hạn chế theo các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên (CPC 622).</p> |
| 4669 | 4669: Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu |

| | |
|--|--|
| <p>Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu</p> <p>Chi tiết: Kinh doanh nguyên vật liệu, bao bì, thiết bị, công nghệ ngành sản xuất đồ uống.</p> | <p>Chi tiết: Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn các hàng hóa không thuộc diện cấm xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối, theo quy định pháp luật Việt Nam hoặc không thuộc diện hạn chế theo các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên (CPC 622).</p> |
| <p>6810</p> <p>Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê</p> <p>Chi tiết: Kinh doanh nhà.</p> | <p>6810: Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.</p> <p>Chi tiết: Kinh doanh bất động sản <i>(Ngoại trừ đầu tư xây dựng hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng).</i></p> |
| <p>6820</p> <p>Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất</p> <p>Chi tiết: Môi giới bất động sản.</p> | <p>6820: Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất.</p> <p>Chi tiết: Môi giới bất động sản. <i>(trừ đấu giá tài sản)</i></p> |
| <p>4933</p> <p>Vận tải hàng hóa bằng đường bộ</p> <p>(Trừ hóa lỏng khí để vận chuyển)</p> | <p>(Hủy bỏ 4933)</p> |
| | <p>Đăng ký mới</p> |
| <p>1104</p> <p>Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng.</p> | <p>1104: Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng.</p> <p>Chi tiết: Sản xuất, gia công các nhóm sản phẩm sau: Nước khoáng thiên nhiên và nước uống đóng chai Alkaline Hydrogen và các loại nước uống đóng chai, đóng bình khác; Nhóm đồ uống không cồn trừ bia và rượu không cồn; Nhóm nước giải khát có ga, không ga; Nhóm nước giải khát không cồn: nước chanh, nước cam, Cola, nước hoa quả, nước dinh dưỡng.</p> |

| | |
|--|---|
| <p style="text-align: center;">2220</p> <p style="text-align: center;">Sản xuất sản phẩm từ plastic</p> | <p>2220: Sản xuất sản phẩm từ plastic</p> <p>Chi tiết: Sản xuất bao bì từ plastic dùng để đóng gói hàng hóa như túi, bao tải, hộp, thùng, hòm, bình lớn chai lọ bằng nhựa.</p> |
| <p style="text-align: center;">8292</p> <p style="text-align: center;">Dịch vụ đóng gói</p> | <p>8292: Dịch vụ đóng gói</p> <p>Chi tiết: Dịch vụ liên quan đến sản xuất (CPC 884-885).</p> |
| <p style="text-align: center;">4791</p> <p style="text-align: center;">Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet</p> | <p>4791: Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet.</p> <p>Chi tiết: Thực hiện phân phối bán lẻ các hàng hóa không thuộc danh mục hàng hóa không được phân phối theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc không thuộc diện hạn chế theo cam kết quốc tế mà Việt Nam là thành viên.</p> |
| <p style="text-align: center;">4799</p> <p style="text-align: center;">Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu</p> | <p>4799: Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu</p> <p>Chi tiết: Thực hiện phân phối bán lẻ các hàng hóa không thuộc danh mục hàng hóa không được phân phối theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc không thuộc diện hạn chế theo cam kết quốc tế mà Việt Nam là thành viên.</p> |
| <p style="text-align: center;">1102</p> <p style="text-align: center;">Sản xuất rượu vang</p> | <p>1102: Sản xuất rượu vang</p> <p>Chi tiết: Sản xuất rượu sủi tăm; Sản xuất rượu từ chiết xuất của nho; Sản xuất đồ uống có cồn lên men nhưng không qua chưng cất như rượu sake, rượu táo, rượu lê, rượu mật ong, rượu hoa quả khác và đồ uống hỗn hợp chứa cồn; Sản xuất rượu vecmut và đồ uống tương tự; Pha chế các loại rượu vang; Sản xuất rượu không cồn và có độ cồn thấp.</p> |

Sửa đổi Khoản 1 Điều 4 Điều lệ Công ty để sửa đổi, bổ sung ngành nghề kinh doanh theo nội dung như trên

3. Giao Người đại diện theo pháp luật Công ty thực hiện các thủ tục cần thiết theo quy định pháp luật để hoàn tất các nội dung được nêu trên: Cập nhật thay đổi ngành nghề kinh doanh vào Điều lệ Công ty, thực hiện thủ tục đăng ký thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh của Công ty tại cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Trong phạm vi ngành, nghề kinh doanh

đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Người đại diện theo pháp luật của Công ty có toàn quyền quyết định mọi vấn đề liên quan đến việc bổ sung, sửa đổi ngành nghề kinh doanh theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và/hoặc theo yêu cầu của pháp luật.

Điều 10. Điều khoản thi hành:

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025 của Công ty cổ phần Nước giải khát Chương Dương được Đại hội nhất trí thông qua và có hiệu lực kể từ ngày ký.

Tất cả cổ đông của Công ty cổ phần Nước giải khát Chương Dương, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc Công ty và toàn thể cán bộ nhân viên của Công ty có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Nơi nhận:

- Cổ đông CDBECO
- TV HĐQT;
- Ban Kiểm soát;
- Giám đốc;
- Lưu VP. HĐQT, VPTCT.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TOẠ**

Tan Teck Chuan Lester